BẢNG RÀ SOÁT CHI TIẾT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ CAM KẾT EVFTA VỀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG ĐẦU TƯ

CAM KẾT EVFTA	PHÁP LUẬT VIỆT NAM	ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT
CHAPTER I GENERAL PROVISIONS		
Article (…) **Objectives, coverage and definitions**		
1. The Parties, reaffirming their respective commitments under the WTO Agreement and their commitment to create a better climate for the development of trade and investment between the Parties, hereby lay down the necessary arrangements for the progressive liberalisation of trade in services and investment and for cooperation on e- commerce	Pháp luật Việt Nam (PLVN) không quy định	**Đánh giá:** Đây là vấn đề riêng của Hiệp định, không liên quan tới pháp luật nội địa **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật
2. Consistent with the provisions of this Title, each Party retains the right to adopt, maintain and enforce measures necessary to pursue legitimate policy objectives such as the protection of society, the environment and public health, the integrity and stability of the financial system, the promotion of security and safety, and the promotion and protection of cultural diversity.		**Đánh giá** Đây là quy định ghi nhận quyền của các Bên trong EVFTA, không phải nghĩa vụ bắt buộc **Đề xuất** - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật - Chú ý đến quyền được ghi nhận này trong quá trình quy định về đầu tư để sử dụng khi cần thiết
3. This Title shall not apply to measures	Pháp luật về lao động	**Đánh giá:**

DRAFT

affecting natural persons seeking access to the employment market of a Party, nor shall it apply to measures regarding citizenship, residence or employment on a permanent basis. Nothing in this Title shall prevent a Party from applying measures to regulate the entry of natural persons into, or their temporary stay in, its territory, including those measures necessary to protect the integrity of, and to ensure the orderly movement of natural persons across its borders, provided that such measures are not applied in such a manner as to nullify or impair the benefits[1] accruing to any Party under the terms of a specific commitment in this Chapter and its Annexes.	Pháp luật về xuất nhập cảnh Pháp luật về đầu tư	Đây là giới hạn phạm vi áp dụng các cam kết về đầu tư, thương mại dịch vụ qua biên giới, thương mại điện tử của Hiệp định. theo đó pháp luật về lao động và xuất nhập cảnh của Việt Nam không phải tuân thủ các quy định của Hiệp định (trừ các cam kết liên quan tới di chuyển thể nhân không liên quan tới pháp luật nội địa gắn với đầu tư). **Đề xuất** - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật chung về lao động, xuất nhập cảnh. - Đối với pháp luật về đầu tư, các đề xuất điều chỉnh cụ thể, nếu có, liên quan tới di chuyển thể nhân trong từng lĩnh vực đầu tư cụ thể sẽ được đề xuất cụ thể trong mục liên quan
4. For purposes of this Title:		
(a) a 'natural person of the EU' means a national of one of the Member States of the European Union in accordance with its legislation and a 'natural person of Viet Nam' means a national of Viet Nam in accordance with its legislation;	**Luật Quốc tịch**	**Đánh giá** EVFTA quy định khái niệm quốc tịch Việt Nam tuân thủ PLVN. Vì vậy không phải rà soát. **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật

[1] The sole fact of requiring a visa for natural persons of certain countries and not for those of others shall not be regarded as nullifying or impairing benefits under a specific commitment.

(b) 'juridical person' means any legal entity duly constituted or otherwise organised under applicable law, whether for profit or otherwise, and whether privately-owned or governmentally-owned, including any corporation, trust, partnership, joint venture, sole proprietorship or association;	**Bộ luật Dân sự 2005, 2015** **Luật Doanh nghiệp 2014** ***Điều 84 BLDS 2005*** (Luật này có hiệu lực đến trước ngày 1/7/2017) Pháp nhân Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: 1. Được thành lập hợp pháp; 2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; 3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; 4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập. ***Điều 74 BLDS 2015*** (Luật này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/7/2017) Điều 74. Pháp nhân 1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này; c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp	**Đánh giá** PLVN có quy định hạn chế về pháp nhân hơn so với EVFTA, theo đó: - Điều kiện của pháp nhân: Trong khi theo EVFTA thì điều kiện pháp nhân chỉ bao gồm việc được thành lập hợp pháp; trong khi theo PLVNthì pháp nhân còn có phải đáp ứng các điều kiện khác (có cơ cấu tổ chức độc lập, có tài sản độc lập, nhân dành mình tham gia quan hệ pháp luật độc lập); - Về hình thức, khác với EVFTA, theo PLVN, doanh nghiệp tư nhân không phải là pháp nhân; quỹ tín thác, (tổng) công ty, công ty hợp danh không đương nhiên là pháp nhân. Theo cách định nghĩa của EVFTA thì "pháp nhân" dường như gần với khái niệm "tổ chức" theo cách hiểu thông thường (PLVN không có định nghĩa "tổ chức", chỉ có khái niệm "tổ chức kinh tế" theo Luật Đầu tư, giới hạn ở mục tiêu đầu tư kinh doanh, không rộng như EVFTA) **Đề xuất** - Giữ nguyên các quy định về hoặc có liên quan tới pháp nhân trong PLVN

DRAFT

	nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. 2. Mọi cá nhân, pháp nhân đều có quyền thành lập pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác. **Luật Doanh nghiệp** ***Điều 47. 2*** Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ***Điều 73.2.*** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ***Điều 110. 2.*** Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ***Điều 172. 2.*** Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ***Điều 188.1*** Tập đoàn kinh tế, tổng công ty thuộc các thành phần kinh tế là nhóm công ty có mối	- Các rà soát dưới đây liên quan tới cam kết EVFTA trong Đầu tư áp dụng đối với "Judicial person" theo EVFTA sẽ được hiểu như "tổ chức" theo PLVN khi đánh giá và đề xuất, nếu có. - Để thống nhất cách hiểu, từ điểm này về sau, trong Rà soát này, thuật ngữ "judicial person" trong các cam kết về đầu tư trong EVFTA sẽ được dịch là "tổ chức".

DRAFT

	quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký thành lập theo quy định của Luật này. ***Điều 183.1.*** Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. **Luật Đầu tư** ***Điều 3.16.*** Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.	
(c) a 'juridical person of the EU' or a 'juridical person of Viet Nam' means a juridical person set up in accordance with the laws of a Member State of the European Union or of Viet Nam respectively, and engaged in substantive business operations[2]in the territory of the EU or of Viet Nam, respectively;	**Luật Doanh nghiệp** ***Điều 4.9.*** Doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam. **Luật Đầu tư** ***Điều 3.***	Đánh giá: - Định nghĩa chung về "tổ chức kinh tế" trong PLVN tương đương với khái niệm "tổ chức" trong điểm này của EVFTA (do chỉ giới hạn ở tổ chức có hoạt động kinh doanh) - EVFTA khi xác định quốc tịch (EU hoặc VN) của tổ chức dựa vào 02

[2] In line with its notification of the Treaty establishing the European Community to the WTO (WT/REG39/1), the EU-Party understands that the concept of "effective and continuous link" with the economy of a Member State of the European Union enshrined in Article 54 of the TFEU is equivalent to the concept of "substantive business operations". Accordingly, for a juridical person set up in accordance with the laws of Viet Nam and having only its registered office or central administration in the territory

	14. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. 15. Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông. 16. Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh.	điều kiện: tổ chức thành lập theo pháp luật EU hoặc VN, và tổ chức có hoạt động kinh doanh thực chất trên lãnh thổ EU hoặc VN. Trong khi đó, trong PLVN, ngoài điều kiện về pháp luật thành lập, các điều kiện khác không giống với EVFTA (ví dụ "doanh nghiệp VN" thì có thêm điều kiện "có trụ sở chính ở VN", "tổ chức kinh tế (VN" thì có thêm điều kiện "hoạt động theo quy định của PLVN"…) **Đề xuất** - Đưa định nghĩa "tổ chức kinh tế của EU" vào Điều khoản về phạm vi điều chỉnh của Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư (văn bản này bao gồm các quy định chỉ áp dụng cho các trường hợp thuộc diện điều chỉnh của Chương này của EVFTA) - Không cần định nghĩa theo EVFTA về "tổ chức kinh tế Việt Nam" trong Văn bản này bởi Văn bản này sẽ chỉ áp dụng cho nhà đầu tư EU)
(d) Notwithstanding the preceding paragraph, shipping companies established	**Bộ luật hàng hải Việt Nam** ***Điều 12. Tàu biển Việt Nam***	**Đánh giá** - Trường hợp công ty tàu biển của

of Viet Nam, the EU Party shall only extend the benefits of this agreement if that juridical person possesses an effective and continuous economic link with the territory of Viet Nam.

outside the EU or Viet Nam and controlled by nationals of a Member State of the EU or of Viet Nam, respectively, shall also be covered by the provisions of this Title, with the exception of Section 2 (Investment Protection) and of Section 3 (Resolution of Investment Disputes), if their vessels are registered in accordance with their respective legislation, in that Member State or in Viet Nam and fly the flag of a Member State or of Viet Nam;	1. Tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc từ khi được cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam. 2. Tàu biển Việt Nam có quyền và nghĩa vụ mang cờ quốc tịch Việt Nam. 3. Chỉ có tàu biển Việt Nam mới được mang cờ quốc tịch Việt Nam. ***Điều 13. Chủ tàu*** 1. Chủ tàu là người sở hữu tàu biển. **Luật Doanh nghiệp** ***Điều 4.9.*** Doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam.	EU: PLVN không quy định - Trường hợp công ty tàu biển của Việt Nam: Theo PLVN hoàn toàn khác với EVFTA: trường hợp như nêu tại điểm (d) này của EVFTA không thể được xem là công ty mang quốc tịch Việt Nam để thuộc diện áp dụng của PLVN cũng như các cam kết của VN (trong đó có EVFTA). **Đề xuất** - Đưa quy định về các trường hợp "công ty tàu biển EU" này vào điều khoản về phạm vi điều chỉnh của Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư - Không cần định nghĩa theo EVFTA về "công ty tàu biển VN" trong Văn bản này bởi Văn bản này sẽ chỉ áp dụng cho trường hợp EU như nêu trên
(…) A juridical person is: (i) "owned" by natural or juridical persons of one of the Member States of the EU or of Viet Nam if more than 50 per cent of the equity interest in it is beneficially owned by persons of that/a Member State of the EU or of Viet Nam respectively; (ii) "controlled" by natural or juridical	**Luật Doanh nghiệp** ***Điều 189. Công ty mẹ, công ty con*** 1. Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết	**Đánh giá** - PLVN không có định nghĩa trực tiếp về việc một tổ chức kinh tế "thuộc sở hữu" hoặc "được kiểm soát" của một chủ thể khác nhưng có quy định gián tiếp về điều này qua quy định về công ty mẹ-con. - PLVN và EVFTA tương tự nhau về

persons of one of the Member States of the EU or of Viet Nam if such persons have the power to name a majority of its directors or otherwise to legally direct its actions.	định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.	định nghĩa tổ chức kinh tế "thuộc sở hữu" bởi một tổ chức, cá nhân khác (cùng tiêu chí 50% vốn) - PLVN và EVFTA về định nghĩa tổ chức kinh tế "bị kiểm soát" bởi một tổ chức, cá nhân khác giống nhau ở tiêu chí "quyền bổ nhiệm đa số lãnh đạo" nhưng khác nhau ở tiêu chí còn lại: EVFTA có tiêu chí "chỉ đạo hoạt động một cách hợp pháp", còn PLVN không có quy định. **Đề xuất** Do PLVN dù có quy định nhưng không trực tiếp và chưa hoàn toàn tương thích với EVFTA nên đề xuất thích hợp trong trường hợp này là: - Đưa quy định về tổ chức kinh tế thuộc "sở hữu", "kiểm soát" bởi thể nhân, tổ chức của EU như trong cam kết này vào điều khoản định nghĩa (gắn với chủ thể thuộc phạm vi điều chỉnh) của Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư - Không cần quy định về trường hợp "sở hữu", "kiểm soát" bởi tổ chức cá nhân VN bởi Văn bản này sẽ chỉ áp dụng cho trường hợp EU như nêu trên
(e) an 'enterprise' means a juridical	**Luật Doanh nghiệp**	**Đánh giá**

DRAFT

person, branch[3] or representative office set up through establishment, as defined under this article;	***Điều 4.7***. Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. ***Điều 45. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp*** 1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. ***Điều 46. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp*** 1. Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính. 2. Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, doanh nghiệp gửi hồ	- Trong khi EVFTA hiểu "doanh nghiệp" bao gồm cả tổ chức kinh tế, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế thì PLVN coi đây là các chủ thể khác nhau, không xếp chung vào khái niệm "doanh nghiệp". - Hiện không rõ khái niệm "set up through establishment" đi kèm với thuật ngữ "chi nhánh" và "văn phòng đại diện có nghĩa chính xác là gì. Tuy nhiên, xét theo câu chữ thì đây là các chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài (trong khuôn khổ EVFTA thì là thương nhân EU) tại Việt Nam (bởi chỉ trong trường hợp thì PLVN có thủ tục "thành lập", với "Giấy phép thành lập" – còn trường hợp của chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân Việt Nam thì mặc dù có tên là "thành lập" nhưng thủ tục là "đăng ký/registration", với "Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động"). Cách hiểu này cũng phù hợp với định nghĩa "establishment" tại điểm (g) Điều này cũng như phạm vi của

[3] For greater certainty, a branch of a legal entity of a non-Party shall not be considered as an enterprise of a Party

	sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền nơi doanh nghiệp đặt chi nhánh, văn phòng đại diện… 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; nếu từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thì thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). **Nghị định 72/2006/NĐ-CP** quy định chi tiết Luật Thương mại về VP đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài ***Điều 2. Quyền thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam*** 1. Thương nhân nước ngoài được thành lập Văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này. 2. Thương nhân nước ngoài được thành lập Chi nhánh của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh) theo các cam kết của	EVFTA, theo đó nghĩa vụ của Việt Nam là đối với chủ thể từ EU. **Đề xuất** Do Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư sẽ áp dụng cho các trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA, và nếu Văn bản này không có quy định thì áp dụng quy định của PL chung về đầu tư, không thể đưa định nghĩa tại điểm (e) này của EVFTA vào Văn bản thực thi riêng EVFTA. Vì vậy, đề xuất trong Văn bản thực thi EVFTA, các trường hợp nội luật hóa cam kết của EVFTA có liên quan tới "enterprises" thì thay bằng cụm "tổ chức kinh tế, chi nhánh và văn bản đại diện của tổ chức kinh tế EU tại Việt Nam"

	Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này. 3. Văn phòng đại diện, Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài. ***Điều 3. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh*** 1. Bộ Thương mại thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này. 2. Sở Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch (sau đây gọi chung là Sở Thương mại) thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.	
(f) 'subsidiary' of a juridical person of a Party means a juridical person which is controlled by another juridical person of that Party in accordance with its domestic laws[4];	**Luật Doanh nghiệp** ***Điều 189. Công ty mẹ, công ty con*** 1. Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng	**Đánh giá** PLVN định nghĩa "công ty con" rộng hơn cam kết tại điểm (f) bởi EVFTA quy định chỉ một tiêu chí để xác định công ty con (tiêu chí "bị kiểm soát") trong khi PLVN có 2 tiêu chí khác ngoài tiêu chí "bị kiểm

[4] For further clarity, a subsidiary of a juridical person of a Party may also refer to a juridical person which is a subsidiary of another subsidiary of a juridical person of that Party.

	số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.	soát". **Đề xuất** Đưa định nghĩa về "công ty con" (để tránh nhầm lẫn, có thể dùng thuật ngữ "công ty phụ thuộc") theo nghĩa hẹp như trong cam kết tại điểm (f) vào Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư.
(g) 'establishment'[5] means the setting up, including the acquisition of, a juridical person and/or creation of a branch or a representative office in Viet Nam or in the EU respectively;	PLVN không quy định	**Đánh giá** PLVN không có định nghĩa cụ thể về "thành lập".Tuy nhiên, các thành tố của khái niệm này trong khoản (g) đều có trong PLVN. **Đề xuất** Lưu ý về thuật ngữ này, theo đó trong Văn bản thực thi EVFTA, các trường hợp nội luật hóa cam kết của EVFTA có liên quan tới "establishment" thì thay bằng cụm "thành lập tổ chức kinh tế, mua lại, thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế EU tại Việt Nam"
(h) 'economic activities' include activities of an industrial, commercial and professional character and activities of craftsmen, but do not include activities performed in the exercise of governmental authority;	**Luật Đầu tư** ***Điều 3.5.*** Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần,	**Đánh giá** PLVN không định nghĩa về "hoạt động kinh tế" nhưng các định nghĩa về "đầu tư kinh doanh" và "kinh doanh" khá tương đồng với khái niệm "hoạt động kinh tế" trong EVFTA, đặc biệt là đã loại trừ "các

[5] For greater certainty, this does not include operation of investment as defined in (i)

	phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư **Luật Doanh nghiệp** ***Điều 4.16.*** Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi. **Luật Thương mại** ***Điều 3.1***. Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.	hoạt động thực hiện trong khuôn khổ thực thithẩm quyền Nhà nước” **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi PL
(i) the ‘operation[6]’ of an investment includes the conduct, management, maintenance, use, enjoyment, sale or other form of disposal of the investment;	PLVN không có định nghĩa về “vận hành” khoản đầu tư	**Đánh giá** PLVN không có thuật ngữ tương đương với khái niệm “vận hành” khoản đầu tư trong EVFTA mặc dù vẫn có các quy định điều chỉnh các hoạt động là thành tố xuất hiện trong khái niệm này. **Đề xuất** Do khái niệm này rất quan trọng đối với việc xác định phạm vi, giới hạn một số quyền của nhà đầu tư EU, đề xuất đưa khái

[6] For greater certainty, this does not include steps taking place at the time of or before the procedures required for making the related investment are completed in accordance with the applicable laws.

		niệm này theo đúng cam kết (bao gồm cả footnote 6) vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư.
(j) 'services' include any service in any sector except services supplied in the exercise of governmental authority;	**Luật Thương mại** Điều 3.9. Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận.	**Đánh giá** PLVN không có định nghĩa chung về "dịch vụ" mặc dù có định nghĩa về hoạt động "cung ứng dịch vụ". Tuy nhiên, cách hiểu trong PLVN về dịch vụ đã cho phép loại trừ "dịch vụ thực hiện trong khuôn khổ thực thi thẩm quyền Nhà nước" (theo nghĩa tại khoản k Điều này EVFTA), do đó có thể coi như đã tương thích với EVFTA. **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật
(k) 'services supplied and activities performed in the exercise of governmental authority' means services supplied or activities performed neither on a commercial basis nor in competition with one or more economic operators;	**Luật Đầu tư** ***Điều 3.22.*** Sản phẩm, dịch vụ công ích là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư của một khu vực lãnh thổ mà Nhà nước cần bảo đảm vì lợi ích chung hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh và việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí.	**Đánh giá** PLVN không có định nghĩa về "dịch vụ thực hiện trong khuôn khổ thực thi thẩm quyền Nhà nước" mà chỉ có khái niệm về "dịch vụ công ích" (hẹp hơn cam kết EVFTA). Khái niệm "dịch vụ công ích" trong PLVN không hoàn toàn tương thích với EVFTA mặc dù có điểm tương đồng. Cụ thể, trong khi khái niệm này trong EVFTA có tiêu chí rõ ràng là "không trên cơ sở thương mại" hoặc "không cạnh tranh với các chủ thể kinh doanh khác", còn PLVN khá

DRAFT

		chung chung, không hoàn toàn là "không có cạnh tranh" mà chỉ là "cạnh tranh khó" **Đề xuất** Đưa định nghĩa này vào Văn bản thực thi riêng EVFTA về Đầu tư
(l) cross-border supply of services means the supply of a service: (i) from the territory of a Party into the territory of the other Party (ii) in the territory of a Party to the service consumer of the other Party;	PLVN không có quy định	Đánh giá PLVN không có quy định về vấn đề này. Đây thực chất là điều khoản xác định phạm vi điều chỉnh của EVFTA trong các vấn đề liên quan, vì vậy PLVN không nhất thiết phải được sửa để tương thích. **Đề xuất** Đưa quy định này vào Điều khoản về phạm vi điều chỉnh trong Văn bản thực thi riêng EVFTA về Đầu tư
(m) a 'service supplier' of a Party means any natural or juridical person of a Party that supplies a service;	**Luật Thương mại** ***Điều 3.9.*** Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận. ***Điều 6. 1***. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.	**Đánh giá** PLVN đã tương thích với EVFTA **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi pháp luật
(n) a 'measure' means any measure by a	PLVN không có quy định	**Đánh giá**

Party, whether in the form of a law, regulation, rule, procedure, decision, administrative action, or any other form;		PLVN không có thuật ngữ chung để chỉ "biện pháp" theo nghĩa tại điểm (n) mặc dù vẫn có các thuật ngữ riêng cho từng thành tố trong khái niệm "biện pháp" này của EVFTA. **Đề xuất** Khái niệm "biện pháp" của EVFTA ở đây thực chất là để giới hạn phạm vi các nghĩa vụ của mỗi Bên. Vì vậy, đề xuất đưa khái niệm này vào Điều khoản định nghĩa trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư.
(o) 'measures adopted or maintained by a Party' means measures taken by: (i) central, regional or local governments and authorities; and (ii) non-governmental bodies in the exercise of powers delegated by central, regional or local governments or authorities;	PLVN không có quy định	**Đánh giá** PLVN không có thuật ngữ để chỉ "biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi Việt Nam" theo nghĩa tại điểm (o). Trên thực tế, khi đề cập tới các văn bản, quyết định, hành động của cơ quan Nhà nước, điều này thường chỉ được hiểu là các "biện pháp" của cơ quan trung ương, địa phương mà không bao gồm các "biện pháp" của các đơn vị được các cơ quan này ủy quyền. **Đề xuất** Làm rõ chủ thể của "biện pháp" theo cách hiểu của EVFTA khi soạn thảo quy định định nghĩa về "biện pháp" trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư.

DRAFT

(p) 'investment'[7] means every kind of asset which is owned or controlled, directly or indirectly, by investors of one Party in the territory[8]8 of the other Party, that has the characteristics of an investment, including such characteristics as the commitment of capital or other resources, the expectation of gain or profit, the assumption of risk and for a certain duration. Forms that an investment may take include: (i) tangible or intangible, movable or immovable property, as well as any other property rights, such as leases, mortgages, liens, and pledges; (ii) an enterprise, shares, stocks and other forms of equity participation in an enterprise including rights derived therefrom; (iii) bonds, debentures, and loans and other debt instruments, including rights derived therefrom; (iv) turnkey, construction, management, production, concession, revenue- sharing, and other similar contracts; (v) claims to money, or to other	Luật Đầu tư 2014 ***Điều 3. Giải thích từ ngữ*** 2.*Dự án đầu tư* là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định. 5. *Đầu tư kinh doanh* là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư. 18. *Vốn đầu tư* là tiền và tài sản khác để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh. **Bộ luật Dân sự 2015** ***Điều 105. Tài sản*** 1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. 2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.	**Đánh giá** PLVN không có định nghĩa về "khoản đầu tư" như trong EVFTA mà chỉ có khái niệm "vốn đầu tư", "dự án đầu tư" và "(hoạt động) đầu tư kinh doanh". BLDS có khái niệm về "tài sản" gần giống (bao trùm) các dạng thức của khoản đầu tư như liệt kê ví dụ trong EVFTA. Tuy nhiên, khái niệm "tài sản" trong BLDS không giới hạn ở các tiêu chí về tính chất và mục tiêu kinh doanh như khái niệm "khoản đầu tư" trong EVFTA. Nếu kết hợp các khái niệm "vốn đầu tư" ở Luật Đầu tư và "tài sản" trong Bộ luật Dân sự với nhau thì PLVN không mâu thuẫn gì với EVFTA về vấn đề này. Tuy nhiên, khái niệm "khoản đầu tư" trong EVFTA có ảnh hưởng trực tiếp tới các nghĩa vụ của VN trong đối xử với các "khoản đầu tư" thuộc diện điều chỉnh của EVFTA, vì vậy việc không có thuật ngữ hoặc định nghĩa tương ứng sẽ khiến VN khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ đối với các trường hợp cụ thể. Đề xuất Đưa định nghĩa "khoản đầu tư" với các tiết

[7] For the purpose of the definition of investment, enterprise does not include representative office. For greater certainty, the fact that a representative office is established in the territory of a Party is not in itself considered that there is an investment.

[8] For greater certainty, territory shall include exclusive economic zone and continental shelf, as provided in the United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS)

assets or any contractual performance having an economic value; For greater certainty, "claim to money" does not include claims to money that arise solely from commercial contracts for the sale of goods or services by a natural or juridical person in the territory of a Party to a natural or juridical person in the territory of the other Party, or financing of such contract other than a loan covered by subparagraph (iii), or any related order, judgement, or arbitral award. (vii) intellectual property rights as defined in Chapter Y of this Agreement [Intellectual Property] and goodwill; Returns that are invested shall be treated as investments and any alteration of the form in which assets are invested or reinvested shall not affect their qualification as investments.		tiết như trong điểm (p) này vào Điều về định nghĩa từ ngữ trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư
(q) an 'investor' means a natural person or a juridical person of a Party that seeks to make[9], is making or has already made an investment in the territory of the other Party.	**Luật Đầu tư** 13. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. 14. *Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có	Đánh giá PLVN chưa tương thích với EVFTA về khái niệm "nhà đầu tư"ở 2 điểm sau: - PLVN hẹp hơn EVFTA: "Nhà đầu tư" trong PLVN phải là chủ thể "thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh" (được hiểu là đã thực hiện

[9] For greater certainty, the Parties understand that an investor that "seeks to make" an investment refers to an investor of any other Party that has taken active steps to make an investment, such as channelling resources or capital in order to set up a business, or applying for permits or license.

	quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. 15. *Nhà đầu tư trong nước* là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông. 16. *Tổ chức kinh tế* là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh. 17. *Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.	các hoạt động nhất định với tư cách nhà đầu tư, ví dụ ít nhất đã đứng tên nộp hồ sơ đăng ký đầu tư…); trong khi đó "nhà đầu tư" theo EVFTA không chỉ là chủ thể "đang hoặc đã thực hiện việc đầu tư" mà còn cả trường hợp "đang hướng tới việc đầu tư" (với giải thích tại footnote 9 của văn bản hiệp định là "thực hiện các bước hành động cụ thể để đầu tư, ví dụ huy động vốn, nguồn lực để thành lập đơn vị kinh doanh hoặc đang xin giấy phép, đăng ký đầu tư"). Nói cách khác, một chủ thể dù mới chỉ đang tập hợp vốn để đầu tư cũng đã được coi là nhà đầu tư theo EVFTA, và có các quyền và nghĩa vụ của một nhà đầu tư theo Hiệp định này; - PLVN rộng hơn EVFTA: Nhà đầu tư trong EVFTA gắn với khoản đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA, trong khi theo PLVN thì nhà đầu tư không bị giới hạn ở phạm vi này. Đề xuất Đưa định nghĩa "nhà đầu tư" như trong điểm (q) này vào Điều về định nghĩa từ ngữ trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư

DRAFT

(r) 'returns' means all amounts yielded by or derived from an investment or reinvestment, including profits, dividends, capital gains, royalties, interest, payments in connection with intellectual property rights, payments in kind and all other lawful income.	**Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp** **Điều 3. Thu nhập chịu thuế** 1. Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; hoàn nhập các khoản dự phòng; thu khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam	Đánh giá PLVN chưa hoàn toàn tương thích với EVFTA về điểm này: - Pháp luật về đầu tư có nhắc tới khái niệm "thu nhập" nhưng không có định nghĩa thu nhập. - Pháp luật về thuế có định nghĩa thu nhập chịu thuế, với các liệt kê có nhiều nội dung tương tự nhưng không hoàn toàn trùng khớp với EVFTA (do khác nhau về mục tiêu) Đề xuất Đưa định nghĩa "các khoản thu nhập" như trong điểm (r) này vào Điều về định nghĩa từ ngữ trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư
(s) With the exception of Chapter II, Section 2 on Investment Protection, government procurement is dealt with by Chapter on public procurement and nothing in this Title shall be construed to limit the obligations of the Parties under Chapter X on public procurement or to impose any additional obligation with respect to government procurement. For greater certainty, measures with respect to	PLVN không quy định	Đánh giá Đây là vấn đề xác định phạm vi hiệu lực của các cam kết trong EVFTA, không liên quan tới pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất Đưa quy định tại điểm (s) này của EVFTA vào Điều khoản về phạm vi áp dụng hoặc Điều khoản về áp dụng pháp luật trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư

DRAFT

government procurement that are in compliance with Public Procurement Chapter shall not be considered a breach of the provisions in Section II on Investment Protection.		
(t) Subsidies are dealt with by Chapter on competition and state aid. The provisions of this Title, except for Article (Performance Requirements) and Chapter II, Section 2 on Investment Protection, do not apply to subsidies granted by the Parties[10]10. For greater certainty, a Party's decision not to issue, renew or maintain a subsidy or grant, (i) in the absence of any the Party's specific commitment to the investor under law or contract to issue, renew, or maintain that subsidy or grant; or (ii) in accordance with any terms or conditions attached to the issuance, renewal or maintenance of the subsidy or grant shall not constitute a breach of Article (Performance Requirements) or a provision of Chapter II, Section 2 on Investment Protection.	PLVN không quy định	Đánh giá Đây là vấn đề xác định phạm vi hiệu lực của các cam kết trong EVFTA, không liên quan tới pháp luật nội địa về nội dung Đề xuất Đưa quy định tại điểm (s) này của EVFTA vào Điều khoản về phạm vi áp dụng hoặc Điều khoản về áp dụng pháp luật trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư
CHAPTER II INVESTMENT SECTION 1 LIBERALISATION OF		

[10] The Parties understand that in the case of the EU, "subsidy" includes "state aid" as defined in the EU law and for Viet Nam, subsidy includes investment incentives, and investment assistance such as production site assistance, human resources training and competitiveness strengthening activities, such as assistance for technology, research and development, legal aids, market information and promotion.

INVESTMENTS		
Article 1 Scope and definitions		
1. This Section applies to measures adopted or maintained by a Party affecting the establishment of an enterprise or the operation of an investment by an investor of the other Party in the territory of the former Party.	Luật Đầu tư **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. **Điều 2. Đối tượng áp dụng** Luật này áp dụng đối với nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.	Đánh giá Cam kết ở điểm này của EVFTA được thiết kế với mục tiêu giới hạn phạm vi áp dụng riêng của các cam kết. Vì vậy, không phải vấn đề được quy định trong PLVN. Tuy nhiên, do các khoản đầu tư và nhà đầu tư theo phạm vi điều chỉnh của EVFTA đồng thời sẽ phải là đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của các quy định của PLVN về các vấn đề không có cam kết trong EVFTA, cần nêu rõ điều này để tránh trường hợp hiểu nhầm là các khoản đầu tư, nhà đầu tư thuộc EVFTA sẽ không phải tuân thủ PLVN. Đề xuất - Đưa quy định tại khoản 1 này của EVFTA cùng với định nghĩa về Nhà đầu tư, Khoản đầu tư trong Chương các vấn đề chung ở trên vào Điều khoản về phạm vi áp dụng hoặc Điều khoản về áp dụng pháp luật trong Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư - Nêu rõ trong Điều khoản về việc áp dụng pháp luật, theo đó: các khoản đầu tư, nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA phải tuân

DRAFT

		thủ Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư, trường hợp Văn bản này không quy định thì phải áp dụng quy định chung của PL về đầu tư VN
2. The provisions of this Section shall not apply to: (a) audio-visual services; (b) mining, manufacturing and processing[11]11 of nuclear materials; (c) production of or trade in arms, munitions and war material; (d) national maritime cabotage[12]12and (e) domestic and international air transport services, whether scheduled or non-scheduled, and services directly related to the exercise of traffic rights, other than: (i) aircraft repair and maintenance services during which an aircraft is withdrawn from service; 'aircraft repair and maintenance services during which an aircraft is withdrawn from service' mean such activities when undertaken on an		**Đánh giá** Cam kết ở điểm này của EVFTA thực chất là các ngoại lệ không thuộc phạm vi áp dụng của cam kết về đầu tư trong EVFTA thuộc Section2 (liên quan tới cam kết về Tiếp cận thị trường, Đối xử quốc gia, Đối xử Tối huệ quốc và Các Yêu cầu đối với hoạt động đầu tư – performance requirements). Vì vậy, không phải vấn đề thuộc phạm vi của pháp luật nội địa. Đề xuất Đưa quy định tại khoản 2 này của EVFTA vào Điều khoản về phạm vi áp dụng trong Phần về các nguyên tắc MA, NT, MFN và PR của Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư với tính chất là các trường hợp ngoại lệ

[11] For greater certainty, processing of nuclear materials includes all the activities contained in UN ISIC Rev.3.1 code 2330.

[12] Without prejudice to the scope of activities which may be considered as cabotage under the relevant national legislation, national maritime cabotage under this chapter covers transportation of passengers or goods between a port or point located in Viet Nam or a Member State of the European Union and another port or point located in Viet Nam or that same Member State of the European Union, including on its continental shelf, as provided in the UN Convention on the Law of the Sea, and traffic originating and terminating in the same port or point located in Viet Nam or Member State of the European Union.

DRAFT

aircraft or a part thereof while it is withdrawn from service and do not include so-called line maintenance. (ii) the selling and marketing of air transport services; ‘selling and marketing of air transport services’ mean opportunities for the air carrier concerned to sell and market freely its air transport services including all aspects of marketing such as market research, advertising and distribution. These activities do not include the pricing of air transport services nor the applicable conditions. (iii) computer reservation system (CRS) services; ‘computer reservation system (CRS) services’ mean services provided by computerised systems that contain information about air carriers’ schedules, availability, fares and fare rules, through which reservations can be made or tickets may be issued. (iv) groundhandling services; ‘ground handling services’ mean the supply at an airport of the following services: airline		không áp dụng các nguyên tắc này.

DRAFT

representation, administration and supervision; passenger handling; baggage handling; ramp services; catering; air cargo and mail handling; fuelling of an aircraft, aircraft servicing and cleaning; surface transport; flight operation, crew administration and flight planning. Ground handling services do not include security, aircraft repair and maintenance, or management or operation of essential centralised airport infrastructure such as de-icing facilities, fuel distribution systems, baggage handling systems, and fixed intra-airport transport systems (v) airport operation services; 'airport operation services' mean the supply of air terminal, airfield and other airport infrastructure operation services on a fee or contract basis. Airport operation services do not include air navigation services.		
Article 2 Market Access 1. With respect to market access through establishment and maintenance, each Party shall accord treatment no less favourable than that provided for under the terms,	**Luật Đầu tư** **Điều 4. Áp dụng Luật đầu tư, các luật có liên quan và điều ước quốc tế** 3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành	**Đánh giá** **1. Về cam kết tại khoản 1Điều 2** *- Liên quan tới trường hợp có cam kết trong Biểu cam kết:* Theo khoản 1, nếu có cam kết thì việc mở

DRAFT

limitations and conditions agreed and specified in the schedule of specific commitments contained in Annexes [….] (lists of commitments on liberalisation of investments). 2. In sectors where market access commitments are undertaken, the measures which a Party shall not maintain or adopt either on the basis of a regional subdivision or on the basis of its entire territory, unless otherwise specified in its schedule of specific commitments contained in Annexes […] (lists of commitments on liberalisation of investments) are defined as: (a) limitations on the number of enterprises that may perform a specific economic activity, whether in the form of numerical quotas, monopolies, exclusive rights or the requirements of an economic needs test; (b) limitations on the total value of transactions or assets in the form of numerical quotas or the requirement of an economic needs test; (c) limitations on the total number of operations or on the total quantity of output expressed in terms of designated numerical units in the form of quotas or the requirement of an economic needs test; (d) limitations on the participation of	viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó. **Nghị định 118/2015/NĐ-CP** **Điều 10. Thực hiện quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài** 1. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định này gồm: a) Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; b) Điều kiện về hình thức đầu tư; c) Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; d) Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; đ) Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư. 2. Nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài: a) Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư thuộc các ngành, nghề khác nhau phải đáp ứng toàn bộ điều kiện đầu tư đối với các ngành, nghề đó; b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về điều kiện đầu tư được lựa chọn áp dụng điều kiện đầu tư	cửa cho thành lập và duy trì khoản đầu tư sẽ theo đúng điều kiện trong cam kết. PLVN đã tương thích với cam kết này. Cụ thể, Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP đã quy định trường hợp có cam kết mở cửa thị trường thì điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài liên quan sẽ áp dụng theo cam kết (được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài). - *Liên quan tới các trường hợp còn lại (không có cam kết)* Theo khoản 1, trong mọi trường hợp VN phải dành cho nhà đầu tư đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử quy định trong cam kết. Tuy nhiên do các trường hợp "còn lại" này không có cam kết, VN có thể quy định tùy nghi. Vì vậy, PLVN đã tương thích với cam kết này của EVFTA. Trên thực tế, theo Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, trong những trường hợp như thế này, nhà đầu tư áp dụng các điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành hoặc nếu không có thì Bộ KHĐT và Bộ chuyên ngành quyết định điều kiện cụ thể đối với nhà đầu tư nước ngoài. **2. Về cam kết tại khoản 2 Điều 2** Cam kết tại khoản này chỉ áp dụng cho các lĩnh vực dịch vụ có trong Biểu cam kết, với nội dung gồm 02 ý:

foreign capital in terms of maximum percentage limit on foreign shareholding or the total value of individual or aggregate foreign investment; (e) measures which restrict or require specific types of legal entity or joint ventures through which an investor of the other Party may perform an economic activity. (f) limitations on the total number of natural persons that may be employed in a particular sector or that an investor may employ and who are necessary for, and directly related to, the performance of the economic activity in the form of numerical quotas or the requirement of an economic needs test.	quy định tại một trong các điều ước đó; trường hợp đã lựa chọn một điều ước quốc tế thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của điều ước quốc tế đó; c) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam đã có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì áp dụng quy định của pháp luật Việt Nam; d) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc vùng lãnh thổ không phải là thành viên WTO thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam được áp dụng điều kiện đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên WTO, trừ trường hợp pháp luật và điều ước quốc tế giữa Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có quy định khác; đ) Đối với những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý	- Nếu có các điều kiện đầu tư nêu trong cam kết thì phải thực hiện theo các điều kiện đó: PLVN đã tương thích với điều này, (như phân tích tại điểm 1 nói trên); - Ngoài các điều kiện nêu trong cam kết, VN không được phép áp dụng các biện pháp đầu tư như được liệt kê trong khoản 2: Đây là cam kết nhắc lại các cam kết tại Điều XVI của Hiệp định GATS của WTO và PLVN đã được điều chỉnh để tuân thủ WTO, vì vậy đã đảm bảo phù hợp với nguyên tắc này. Tuy nhiên, trong EVFTA Việt Nam có các cam kết trong các lĩnh vực dịch vụ mới bên ngoài các lĩnh vực dịch vụ có cam kết trong WTO (ví dụ dịch vụ hộ lý, dịch vụ R&D liên ngành, dịch vụ tàu biển, dịch vụ xây dựng-làm sạch, dịch vụ sao chụp đặc biệt, dịch vụ đóng gói, dịch vụ triển lãm-hội chợ…). Do đó, đối với các trường hợp này, về nguyên tắc Việt Nam vẫn có quyền ban hành các biện pháp như liệt kê tại khoản 2 với nhà đầu tư từ tất cả các nước WTO trừ các nhà đầu tư EU. Vì vậy, trong các trường hợp này, PLVN áp dụng chung có thể không tương thích với EVFTA. **Đề xuất** - Không đề xuất điều chỉnh PLVN về đầu tư (cả chung lẫn các văn bản

DRAFT

	ngành để xem xét, quyết định; e) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã được phép thực hiện hoạt động đầu tư trong các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm đ Khoản này và các ngành, phân ngành dịch vụ này đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Nghị định này, Cơ quan đăng ký đầu tư xem xét, quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong cùng ngành, nghề đó mà không phải lấy ý kiến của Bộ quản lý ngành. **Điều 13. Công bố điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài** 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, tập hợp các ngành, nghề và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước quốc tế về đầu tư và ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. 2. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với	chuyên ngành về các lĩnh vực dịch vụ có cam kết) - Đối với cam kết tại khoản 1: Chú ý việc vận hành Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để đảm bảo các thông tin về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư EU trên Cổng này là đầy đủ (để nhà đầu tư tiện theo dõi) và chính xác (bám sát cam kết của Việt Nam tại các Phụ lục về mở cửa thị trường đầu tư của EVFTA) - Đối với cam kết tại khoản 2: Đưa nguyên tắc quy định tại khoản Điều 2 vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư (kèm theo đó, Phụ lục về mở cửa thị trường đầu tư dịch vụ của Việt Nam trong EVFTA cần được chuyển thành Phụ lục của Văn bản này). Nói cách khác, Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư này sẽ thay thế các VBPL chuyên ngành trong các lĩnh vực dịch vụ có cam kết trong EVFTA và chỉ áp dụng riêng cho nhà đầu tư, khoản đầu tư EU. <u>Giải thích thêm</u> Việc dùng một văn bản để sửa nhiều văn bản (omnibus bill) trong trường hợp này là cách thức nhanh gọn, hiệu quả và khả thi

DRAFT

	nhà đầu tư nước ngoài; b) Căn cứ áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; c) Nội dung điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này; d) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này. 3. Những nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này được cập nhật trong các trường hợp sau: a) Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài có sự thay đổi theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư; b) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này được điều chỉnh theo kết quả rà soát quy định tại Khoản 1 Điều này. 4. Những nội dung được cập nhật trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định này. **Pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực dịch vụ cụ thể** Phần lớn các VBQPPL chuyên ngành trong các lĩnh vực dịch vụ cụ thể đều có	hơn việc đi rà soát và sửa từng văn bản pháp luật cụ thể trong các lĩnh vực dịch vụ mà VN có cam kết mở cửa cho EU mà chưa có cam kết mở cửa trong WTO. Hơn nữa, về mặt nguyên tắc, trong các lĩnh vực này, Việt Nam không có nghĩa vụ phải điều chỉnh, sửa đổi pháp luật chung (áp dụng cho tất cả các đối tác khác) mà chỉ phải sửa pháp luật áp dụng cho đối tác EU. Như vậy, từ góc độ kỹ thuật lập pháp, nếu VN sửa từng VBPL chuyên ngành, VN sẽ phải đơn phương dành cho tất cả các đối tác WTO mức mở cửa mà VN cam kết dành cho đối tác EU. Cũng chính vì lý do này mà Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư có lẽ cần là một Văn bản cấp Luật – để có thể sửa đổi cùng lúc các quy định khác biệt trong các văn bản luật chuyên ngành cho chủ thể đặc thù là nhà đầu tư EU.

DRAFT

	các quy định về các điều kiện hoạt động riêng đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài	
Article 3 National Treatment		
1. In the sectors inscribed in the schedule of specific commitments in Annexes […] (lists of commitments on liberalisation of investments of both Parties) and subject to any conditions and qualifications set out therein, each Party shall accord to investors of the other Party and to their investments, with respect to **establishment** in its territory, treatment no less favourable than that accorded, in like situations, to its own investors and to their investments. *Annex8d* *Investment procedures* *7. Unbound for any measure with respect to investment procedures applied to foreign investor or foreign invested economic entities, such as procedures relating to investment registration certificate of investment projects, and foreign exchange management procedures.* 2. A Party shall accord, to investors of the other Party referred to in Article 13.1. (i) [(Section 2- Investment Protection, Art. Scope] and to their investments referred to	**Luật Đầu tư** **Điều 4. Áp dụng Luật đầu tư, các luật có liên quan và điều ước quốc tế** 3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó. **Điều 22. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế** 1. Nhà đầu tư được thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật. Trước khi thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật này và phải đáp ứng các điều kiện sau đây(…) **Điều 23. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** 1. Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc	**1. Liên quan tới khoản 1 – đối xử quốc gia đối với việc thành lập khoản đầu tư** ***Đánh giá*** Cam kết tại khoản này chỉ áp dụng cho các lĩnh vực dịch vụ có trong Biểu cam kết, với nội dung gồm 02 ý: - Thứ nhất, nếu có các điều kiện đầu tư nêu trong cam kết thì phải thực hiện theo các điều kiện đó: PLVN đã tương thích với yêu cầu này (theo Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP về nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp có cam kết); - Thứ hai, ngoài các điều kiện nêu trong cam kết, VN phải đảm bảo đối xử với nhà đầu tư, khoản đầu tư EU không kém thuận lợi hơn đối xử với nhà đầu tư VN trong việc thành lập/thiết lập khoản đầu tư: + Về <u>thủ tục</u> thành lập/thiết lập khoản đầu tư: Theo PLVN thì trong các trường hợp này việc thành lập/thiết lập khoản đầu tư sẽ theo thủ tục quy định tại Luật Đầu tư (Điều 22, 23, 25-28, 37), mà các thủ tục này hiện có phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên,

DRAFT

in Article 13.1 (ii) [(Section 2- Investment Protection, Art. Scope], with respect to the **operation** of the investments, treatment no less favourable than that accorded in like situations to its own investors and to their investments. *Article 13.1* *(i) investments by investors of a Party in existence in the territory the other Party as of the date of entry into force of this Agreement or made or acquired thereafter, made in accordance with applicable law*[13]*.* *(ii) investors of a Party that have already made an investment covered under (i) in the territory of the other Party, with respect to the operation of such investment.* 3. Notwithstanding paragraph 2, and subject to the Annex X (Annex on National Treatment) in the case of Viet Nam, a Party may adopt or maintain any measure with respect to the operation, management, conduct, maintenance, use, enjoyment and sale or other disposal of an investment referred to Article 13.1. (ii)	một trong các trường hợp sau đây: a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên. 2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. **Điều 36. Trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** 1. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;	do Việt Nam có bảo lưu tại Biểu cam kết trong Phụ lục 8d áp dụng cho tất cả các lĩnh vực kinh doanh về thủ tục đầu tư (theo đó VN không cam kết đối xử NT trong các thủ tục đăng ký chứng nhận đầu tư), PLVN đã tương thích với EVFTA về vấn đề này. + Về các vấn đề khác liên quan tới việc thành lập/thiết lập khoản đầu tư (ví dụ hình thức pháp lý của khoản đầu tư, các điều kiện liên quan tới nhân sự ....): Đây là các điều kiện quy định tại các VBPL chuyên ngành. Do các VBPL chuyên ngành hiện quy định các điều kiện này căn cứ vào cam kết WTO, mà cam kết EVFTA lại rộng hơn cam kết WTO (về lĩnh vực, về điều kiện), có thể xảy ra tình huống PLVN không tương thích với EVFTA (ví dụ trong các lĩnh vực mà VN không có cam kết trong WTO nhưng lại có cam kết trong EVFTA) ***Đề xuất*** - Không đề xuất điều chỉnh pháp luật về đầu tư chung hoặc chuyên ngành có phạm vi áp dụng chung cho tất cả các chủ thể từ tất cả các nước; - Quy định trong 01 Điều của Văn

[13] For greater certainty, in the case that the investment is made in the territory of Viet Nam, "applicable law" refers to the laws and regulations of Viet Nam

[(Section 2- Investment Protection, Art. Scope] that is not inconsistent with the commitments inscribed in Annexes […] (lists of commitments on liberalisation of investments of both Parties), where such measure is: (a) a measure that is adopted on or before the entry into force of this Agreement; (b) a measure referred to in sub-paragraph (a) that is being continued, replaced or amended after the entry into force of this Agreement, provided the measure is no less consistent with paragraph 2 after being continued, replaced or amended than the measure as it existed prior to its continuation, replacement or amendment; or (c) a measure not falling within sub-paragraph (a) or (b), provided it is not applied in respect of, or in a way that causes loss or damage[14] to, investments made in the territory of the Party before the entry into force of such measure. **Annex []**	b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này. 2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước; b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này; c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.	bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư về nguyên tắc NT đối với vấn đề thành lập/thiết lập khoản đầu tư theo hướng: + Trường hợp đã có cam kết về điều kiện, thủ tục thành lập/thiết lập khoản đầu tư thì thực hiện theo cam kết; + Trường hợp không có cam kết như trên thì (i) vê thủ tục đầu tư: dẫn chiếu tới thủ tục áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài tại Luật Đầu tư; (ii) về các điều kiện khác liên quan tới việc thành lập/thiết lập khoản đầu tư: áp dụng các điều kiện tương tự nhà đầu tư trong nước **2. Liên quan tới cam kết về đối xử quốc gia trong hoạt động/vận hành khoản đầu tư trong các lĩnh vực nói chung** ***Đánh giá*** Theo cam kết tại khoản này thì liên quan tới hoạt động/vận hành khoản đầu tư, VN có nghĩa vụ phải đối xử với nhà đầu tư,

[14] For the purposes of sub-paragraph c), it is understood that factors like the fact that a Party has provided for a reasonable phase in period for the implementation of a measure or has made any other attempt to address the effects of the measure on investments made before its entry into force, shall be taken into account in determining whether the measure causes loss or damage to investments made before its entry into force.

DRAFT

National Treatment Notwithstanding paragraph 2 and 3 of Article …..(National Treatment), in sectors, subsectors, or activities listed below, Viet Nam may adopt or maintain any measure with respect to the operation, management, conduct, maintenance, use, enjoyment and sale or other disposal of an investment referred to Article 13.1. (ii) [(Section 2- Investment Protection, Art. Scope)] that is not in conformity with paragraph 2, provided that such measure is not inconsistent with the commitments inscribed in Annexes […] (lists of commitments on liberalisation of investments of both Parties). Viet Nam may not, under any measure adopted after the date of entry into force of this Agreement and covered by this Annex, require an investor of the EU, by reason of its nationality, to sell or otherwise dispose of an investment existing at the time the measure becomes effective. 1. Newspapers and news-gathering agencies, printing, publishing, radio and television broadcasting, in any form 2. Production and distribution of cultural products, including video records 3. Production, distribution, and projection of television programmes and		khoản đầu tư EU lkhông kém thuận lợi hơn đối xử với nhà đầu tư VN. - Đây là nguyên tắc có trong Điều XVII Hiệp định GATS của WTO và PLVN hiện đã tuân thủ nguyên tắ này. Tuy nhiên trong khi GATS chỉ yêu cầu áp dụng NT đối với các lĩnh vực có cam kết thì EVFTA yêu cầu áp dụng NT cho tất cả các lĩnh vực trừ các trường hợp nêu tại khoản 3 và Phụ lục NT của Chương 8 EVFTA. Như vậy, có thể xảy ra 01 tình huống PLVN không tuân thủ cam kết này của EVFTA, đó là: Các quy định phân biệt đối xử về điều kiện hoạt động đối với nhà đầu tư nước ngoài so với nhà đầu tư trong nước trong các lĩnh vực không có cam kết WTO, cũng không thuộc các trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 3 và Phụ lục NT của Chương 8 EVFTA; Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 3 này của EVFTA thì nghĩa vụ NT này không phải tuân thủ nguyên tắc standstill, nói cách khác từ nay cho tới khi EVFTA chính thức có hiệu lực, VN vẫn có thể duy trì hoặc ban hành mới các biện pháp phân biệt đối xử trong hoạt động đối với nhà

DRAFT

cinematographic works 4. Investigation and security 5. Geodesy and cartography 6. Secondary and primary education services 7. Oil and gas, Mineral and natural resources exploration, prospecting and exploitation 8. Hydroelectricity and nuclear power; power transmission and/or distribution 9. Cabotage transport services 10. Fishery and aquaculture 11. Forestry and hunting 12. Lottery, betting and gambling 13. Judicial administration services, including but not limited to services relating to nationality 14. Civil enforcement 15. Production of military materials or equipment 16. River ports, sea ports and airports operation and management 17. Subsidies Note for legal scrubbing: List to be reviewed, with the presence of investment negotiators, in order to avoid overlaps with exclusions in the text.		đầu tư EU, và các biện pháp này vẫn có thể được tiếp tục duy trì sau khi EVFTA có hiệu lực, miễn là không kém thuận lợi hơn/không gây thiệt hại cho nhà đầu tư. Với "bảo lưu" này, PLVN hiện tại có thể coi là vẫn tương thích với EVFTA. **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật để thực thi khoản 2 Điều 3 này. 3. **Liên quan tới cam kết về đối xử quốc gia trong quản lý hoạt động khoản đầu tư trong các lĩnh vực có cam kết hoặc có bảo lưu trong EVFTA** ***Đánh giá*** - Về cam kết NT liên quan tới các hoạt động của khoản đầu tư trong các lĩnh vực có cam kết trong EVFTA: theo nguyên tắc áp dụng PL hiện hành thì PLVN đã tuân thủ - Về bảo lưu quyền áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử trong các lĩnh vực được liệt kê trong Phụ lục NT của Chương 8: Đây là quyền của VN (không phải nghĩa vụ), vì vậy PLVN được cho là đã tương thích - Về nghĩa vụ không được yêu cầu nhà đầu

DRAFT

		tư phải bán lại hoặc định đoạt khoản đầu tư của mình trong các lĩnh vực đ ược liệt kê trong Phụ lục NT của Chương 8: PLVN chưa có quy định tương tự, vì vậy chưa tương thích. ***Đề xuất*** - Bổ sung 01 Điều trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư về nghĩa vụ không yêu cầu nhà đầu tư phải bán lại hoặc định đoạt khoản đầu tư của mình trong các lĩnh vực được liệt kê trong Phụ lục NT của Chương 8 vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư (dưới hình thức "Nhà nước cam kết không buộc nhà đầu tư …";
Article 4 **Most Favoured Nation Treatment** 1. Each Party shall accord to investors of the other Party and to their investments as regards the **establishment** of an enterprise in its territory, treatment no less favourable than the treatment it accords, in like situations, to investors and their investments under free trade agreement the former Party is negotiating on [17 July 2015]. 2. Each Party shall accord to investors of	PL không có quy định tương ứng	**Đánh giá** Điều 4 này của EVFTA thực chất là xử lý mối quan hệ giữa các cam kết về đầu tư trong EVFTA và các cam kết về đầu tư mà VN dành cho các đối tác khác, theo đó: - Các đối xử về đầu tư liên quan tới thành lập doanh nghiệp, VPĐD, chi nhánh mà VN cam kết dành cho các đối tác TPP, FTA VN-EFTA, RCEP (các FTA đang được đàm phán tại thời điểm 17/7/2015) thì VN cũng phải dành cho nhà đầu

DRAFT

the other Party and to their investments as regards their **operation** in its territory, treatment no less favourable than the treatment it accords, in like situations, to investors and investments of any non-Party 3. Paragraph 1 and 2 shall not apply to the following sectors: - Communication services, except for Postal services (CPC…) and Telecommunication services (CPC..); - Cultural, Sports and Recreational services; -Fishery and aquaculture; -Forestry and hunting; - Mining, including oil and gas. 4. Paragraph 2 shall not be construed to oblige a Party to extend to the investors of the other Party or their investments the benefit of any treatment granted pursuant to any bilateral, regional and/or international agreements that entered into force before the entry into force of this Agreement 5. Paragraphs 1 and 2 shall not be construed to oblige a Party to extend to the investors of the other Party or their investments the benefit of: (a) any treatment granted as part of a process of economic integration, which includes commitments to abolish substantially all barriers to investment among the parties to such a process,		tư/khoản đầu tư EU đối xử tương tự trừ các cam kết liên quan tới cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – nhà đầu tư nước ngoài (ISDS) - Các đối xử về đầu tư mà VN dành cho nhà đầu tư và khoản đầu tư EU liên quan tới hoạt động của họ không được kém hơn đối xử dành cho bất kỳ đối tác nào khác trừ trường hợp đối xử đó là theo các thỏa thuận quốc tế có hiệu lực trước khi EVFTA có hiệu lực - Các ngoại lệ với cả 02 nguyên tắc trên: (i) phân biệt đối xử theo lĩnh vực được liệt kê tại khoản 3; (ii) phân biệt đối xử theo thỏa thuận trong ASEAN, EU; (iii) các thỏa thuận tránh đánh thuế 2 lần; (iv) các thỏa thuận liên quan tới việc công nhận chứng chỉ, giấy phép hành nghề…trong các lĩnh vực dịch vụ **Đề xuất** - Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật áp dụng chung (bởi đây không phải vấn đề của PL nội địa về nội dung) - Quy định 01 Điều khoản về nguyên tắc MFN (nêu rõ 03 Hiệp định liên quan) và liệt kê các ngoại lệ liên

DRAFT

together with the approximation of legislation of the parties on a broad range of matters within the purview of this Agreement[15] . (b) any treatment resulting from any international agreement for the avoidance of double taxation or other international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation. (c) any treatment resulting from measures providing for the recognition of qualifications, licences or prudential measures in accordance with Article VII of the General Agreement on Trade in Services or its Annex on Financial Services 6. "For greater certainty, the 'treatment' referred to in paragraphs 1 and 2 does not include international dispute resolution procedures or mechanism, such as those included in Section 3, provided for in any other bilateral, regional and/or international agreements. Substantive obligations in such agreements do not in themselves constitute 'treatment' and thus cannot be taken into account when assessing a breach of this Article.		quan trong Văn bản thực thi riêng EVFTA về Đầu tư - Cần Rà soát các cam kết về thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, VPĐD của nhà đầu tư nước ngoài theo TPP để đưa vào Điều khoản nói trên trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư

[15] Within this paragraph and for greater certainty, the ASEAN Economic Community and the European Union are falling within this concept of "a process of economic integration".

DRAFT

Measures by a Party pursuant to those substantive obligations shall be considered treatment. This Article shall be interpreted in accordance with Annex XX (MFN) **Annex [] Most Favoured Nation Treatment** Article …(MFN) shall be interpreted in accordance with Article ...(Scope and Definitions) and the principle of ejusdem generis.		
Article 5 Schedule of specific commitments The sectors liberalised by each of the Parties pursuant to this Section and the terms, limitations, conditions and qualifications referred to in Articles 3 and 4 are set out in the schedules of commitments included in Annexes [lists of commitments on liberalisation of investments].	**Luật Đầu tư** **Điều 4. Áp dụng Luật đầu tư, các luật có liên quan và điều ước quốc tế** 3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó. Nghị định 118/2015/NĐ-CP **Điều 10. Thực hiện quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài** **Điều 13. Công bố điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài** 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, tập hợp các ngành, nghề và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều	Về các điều kiện mở cửa thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ có cam kết trong EVFTA, nguyên tắc áp dụng pháp luật của PLVN trong vấn đề này đã đảm bảo phù hợp với EVFTA, theo đó: - Trường hợp có cam kết mở cửa thị trường tại các Phụ lục liên quan của EVFTA: áp dụng theo cam kết (được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài – suy đoán là Cổng này nêu các quy định như cam kết) - Trường hợp Việt Nam chưa có cam kết mở cửa thị trường cho EU theo EVFTA: áp dụng theo cam kết WTO (cũng được công bố trên Cổng thông tin nói trên) **Đề xuất**

	ước quốc tế về đầu tư và ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. 2. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; b) Căn cứ áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; c) Nội dung điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này; d) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này. 3. Những nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này được cập nhật trong các trường hợp sau: a) Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài có sự thay đổi theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư; b) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này được điều chỉnh theo kết quả rà soát quy định tại Khoản 1 Điều này.	Tương tự như đề xuất với Điều 2 Chương 8 EVFTA ở trên

DRAFT

	4. Những nội dung được cập nhật trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định này. **Pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực dịch vụ cụ thể** Phần lớn các VBQPPL chuyên ngành trong các lĩnh vực dịch vụ cụ thể đều có các quy định về các điều kiện hoạt động riêng đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài	
Article 6 Performance Requirements 1. In the sectors inscribed in its schedule of specific commitments in Annexes [lists of commitments on liberalisation of investments of both Parties] and subject to any conditions and qualifications set out therein, neither Party may impose, or enforce any of the following requirements, mandatory or enforceable under domestic law or under administrative rulings, in connection with the establishment or operation of any investment of an investor of a Party or of a non-Party in its territory: (a) to export a given level or percentage of goods or services; (b) to achieve a given level or percentage of domestic content;	**Luật Đầu tư** **Điều 10. Bảo đảm hoạt động đầu tư kinh doanh** 1. Nhà nước không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện những yêu cầu sau đây: a) Ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ trong nước; b) Xuất khẩu hàng hóa hoặc dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước; c) Nhập khẩu hàng hóa với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu	Đánh giá PLVN đã tương thích với cam kết EVFTA tại Điều 6 này: - Về nghĩa vụ không đặt ra các yêu cầu được liệt kê đối với nhà đầu tư EU: PLVN đã có quy định tương tự, áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực chứ không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực cam kết trong EVFTA - Về nghĩa vụ không đặt ra các điều kiện được liệt kê làm tiêu chí để cho hưởng các ưu đãi đầu tư: Các tiêu chí về ưu đãi đầu tư trong PLVN xác định theo địa bàn, lĩnh vực kinh doanh, quy mô vốn, quy mô lao động sử dụng; các tiêu chí này hoàn toàn không thuộc các trường hợp

DRAFT

(c) to purchase, use or accord a preference to goods produced or services provided in its territory, or to purchase goods or services from natural persons or enterprises in its territory; (d) to relate in any way the volume or value of imports to the volume or value of exports or to the amount of foreign exchange inflows associated with such investment; (e) to restrict sales of goods or services in its territory that such investment produces or provides by relating such sales in any way to the volume or value of its exports or foreign exchange earnings; (f) to transfer technology, a production process or other proprietary knowledge to a natural person or enterprises in its territory; or (g) to supply exclusively from the territory of the Party a good produced or a service provided by the investment to a specific regional or world market. 2. In the sectors inscribed in its schedule of specific commitments in Annexes [lists of commitments on liberalisation of investments of both Parties] and subject to any conditions and qualifications set out therein, neither Party may condition the receipt or continued receipt of an	nhập khẩu; d) Đạt được tỷ lệ nội địa hóa đối với hàng hóa sản xuất trong nước; đ) Đạt được một mức độ hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước; e) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài; g) Đặt trụ sở chính tại địa điểm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. **Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư** 2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư: a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này; b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này; c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư; d) Dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ. 3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự	cấm trong EVFTA; hơn nữa, các tiêu chí này được áp dụng chung, không giới hạn ở các lĩnh vực cam kết trong EVFTA; - Các trường hợp tại các khoản 3-6 Điều này của EVFTA: Đây là các quy định về quyền, không phải nghĩa vụ phải tuân thủ; trên thực tế VN cũng đang sử dụng một số các quyền này (ví dụ yêu cầu về quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, các điều kiện để tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư của Nhà nước…) Đề xuất Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật (cả PL chung lẫn trong Văn bản riêng thực thi EVFTA)

advantage, in connection with the establishment or operation of an investment of an investor of a Party or of a non-Party in its territory, on compliance with any of the following requirements: (a) to achieve a given level or percentage of domestic content; (b) to purchase, use or accord a preference to goods produced in its territory, or to purchase goods from producers in its territory; (c) to relate in any way the volume or value of imports to the volume or value of exports or to the amount of foreign exchange inflows associated with such investment; (d) to restrict sales of goods or services in its territory that such investment produces or provides by relating such sales in any way to the volume or value of its exports or foreign exchange earnings. 3. The provisions of paragraph 1 shall not be construed to prevent a Party from conditioning the receipt or continued receipt of an advantage in connection with any investment in its territory on compliance with a requirement to locate production, provide a service, train or employ workers, construct or expand particular facilities, or carry out research	án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai. 4. Ưu đãi đầu tư đối với các đối tượng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ sản xuất ô tô. **Điều 16. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư** 1. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư: a) Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hoạt động nghiên cứu và phát triển; b) Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng; c) Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô; đóng tàu; d) Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày và các sản phẩm quy định tại điểm c khoản này; đ) Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số;	

and development in its territory. The provisions of paragraph 1 (f) shall not be construed to prevent the application of a requirement imposed or a commitment or undertaking enforced by a court, administrative tribunal or competition authority, in order to remedy an alleged violation of competition laws. 3. The provisions of paragraph 1 subparagraphs (a), (b) and (c) and 2 (a) and (b), do not apply to qualification requirements for goods or services with respect to participation in export promotion and foreign aid programmes. 4. For greater certainty, subparagraphs 2(a) and 2 (b) do not apply to requirements imposed by an importing Party relating to the content of goods necessary to qualify for preferential tariffs or preferential quotas. 5. For greater certainty, paragraph 1 does not apply to any requirement other than the requirements set out in that paragraph. 6. The provisions of this article shall not apply to measures adopted or maintained by a party in accordance with Art. III. 8 (b)) of the GATT”	e) Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thuỷ sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học; g) Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải; h) Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị; i) Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; k) Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc chủ yếu, thuốc thiết yếu, thuốc phòng, chống bệnh xã hội, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới; l) Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; m) Đầu tư trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa; n) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.	

DRAFT

	2. Địa bàn ưu đãi đầu tư: a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; b) Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.	
SECTION 2 **INVESTMENT PROTECTION**		
Article 13 Scope 1. The provisions in this Section shall apply to: (i) investments by investors of a Party in existence in the territory the other Party as of the date of entry into force of this Agreement or made or acquired thereafter, made in accordance with applicable law[16]. (ii) investors of a Party that have already made an investment covered under (i) in the territory of the other Party, with respect to the operation of such investment.	PLVN không quy định	Đánh giá Đây là cam kết liên quan tới phạm vi áp dụng của EVFTA, không thuộc pháp luật nội địa Đề xuất - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật chung - Đưa 01 Điều với nội dung như tại Điều 13 Chương 8 này của EVFTA vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư (mục bảo hộ đầu tư)
Article 13bis Investment and regulatory measures/objectives 1. The Parties reaffirm the right to regulate within their territories to achieve legitimate policy objectives, such as the protection of public health, safety,	Luật Đầu tư **Điều 6. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh** 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật này;	**Đánh giá** Các cam kết tại Điều 13bis là các quyền của Việt Nam trong EVFTA, không phải các nghĩa vụ bắt buộc. Trên thực tế, PLVN cũng đã có các quy định sử dụng một số các quyền này trong kiểm soát, quản lý đầu tư (khoản 1). Các

[16] For greater certainty, in the case that the investment is made in the territory of Viet Nam, "applicable law" refers to the laws and regulations of Viet Nam

environment or public morals, social or consumer protection or promotion and protection of cultural diversity 2. For greater certainty, the provisions of this section shall not be interpreted as a commitment from a Party that it will not change the legal and regulatory framework, including in a manner that may negatively affect the operation of covered investments or the investor's expectations of profits. 3. For greater certainty, nothing in this Section shall be construed as preventing a Party from discontinuing the granting of a subsidy[17] and/or requesting its reimbursement, or as requiring that Party to compensate the investor therefor, where such action has been ordered by one of its competent authorities listed in Annex x. **Annex [] Annex on competent authorities mentioned in article 13bis (Investment and Regulatory Measures/Objectives) paragraph 4** In the case of the EU, the competent authorities entitled to order the actions	b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật này; c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật này; d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. 2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ. **Điều 7. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện** 1. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt	quyền tại khoản 2, 3 là rất có ý nghĩa, đặc biệt liên quan tới việc bảo vệ lợi ích của VN trước các khiếu nại, khiếu kiện của nhà đầu tư EU trong khuôn khổ Cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – Nhà đầu tư nước ngoài (ISDS) liên quan tới việc thay đổi pháp luật nội địa ảnh hưởng tới lợi ích của nhà đầu tư. Vì vậy, trong quá trình thực thi EVFTA, các quyền này rất cần được chú ý vận dụng hiệu quả. Đề xuất - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật - Chú ý các quyền này trong Điều 13bis để áp dụng khi cần thiết

[17]In the case of the EU, "subsidy" includes "state aid" as defined in the EU law. For Viet Nam, subsidy includes investment incentives, and investment assistance such as production site assistance, human resources training and competitiveness strengthening activities, such as assistance for technology, research and development, legal aids, market information and promotion.

mentioned in article 13 bis paragraph 3 are the European Commission or a court or tribunal of a Member State when applying EU law on state aid. In the case of Viet Nam, the competent authorities entitled to order the actions mentioned in article 13 bis paragraph 3 are Government of Viet Nam or the Prime Minister of Viet Nam or a competent court	động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.	
Article 14 Treatment of Investment 1. Each Party shall accord fair and equitable treatment and full protection and security to investments and investors of the other Party in its territory in accordance with paragraphs 2 to 7. 2. A Party breaches the obligation of fair and equitable treatment referenced in paragraph 1 where a measure or series of measures constitutes: a. Denial of justice in criminal, civil or administrative proceedings; or b. Fundamental breach of due process in judicial and administrative proceedings; c. Manifest arbitrariness; or d. Targeted discrimination on manifestly wrongful grounds, such as gender, race or religious belief; or e. abusive treatment such as coercion, abuse of power or similar bad faith conduct. or	PLVN không có quy định trực tiếp về nguyên tắc FET cũng như nguyên tắc bảo hộ đầy đủ và an toàn cho nhà đầu tư nước ngoài Luật Đầu tư Điều 2. Đối tượng áp dụng và hiệu lực của Bộ luật tố tụng dân sự 1. Bộ luật tố tụng dân sự được áp dụng đối với mọi hoạt động tố tụng dân sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. 2. Bộ luật tố tụng dân sự được áp dụng đối với mọi hoạt động tố tụng dân sự do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành ở nước ngoài. 3. Bộ luật tố tụng dân sự được áp dụng đối với việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp	**Đánh giá** ***1. Về các cam kết về FET và quyền được bảo hộ đầy đủ và an toàn*** Các cam kết nầy trong các FTA vốn là cam kết có nội hàm rất rộng, chung chung, do đó trên thực tế đã bị không ít nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng để giải thích theo hướng có lợi cho họ một cách bất hợp lý, gây tổn hại cho nước nhận đầu tư. Tuy nhiên, cam kết về FET như trong Điều 14 này của EVFTA đã được cụ thể hóa khá rõ rang, và vì vậy nguy cơ nói trên để được xử lý đáng kể. Về mặt pháp luật, với giới hạn như trong Điều 14 EVFTA, PLVN đã cơ bản tương thích với yêu cầu của EVFTA như nêu tại khoản 2-4, 6 Điều 14 thông qua: - các nguyên tắc đảm bảo quyền được xét xử, được bảo vệ lợi ích qua các thủ tục tố tụng dân sự, hình sự, hành chính, khiếu nại hành chính;

f. A breach of any further elements of the fair and equitable treatment obligation adopted by the Parties in accordance with paragraph 3 of this Article. 3. Treatment not listed in paragraph 2 can also constitute a breach of fair and equitable treatment where the Parties have so agreed in accordance with the procedures provided in Article X.6 (Amendments). 4. For greater certainty, 'full protection and security' refers to the Party's obligations to act as may be reasonably necessary to protect physical security of investors and covered investments. 5. Where a Party has entered into a written agreement with investors of the other Party or their investments referred to in Article 13 [Scope of section II Investment Protection] that satisfies all of the following conditions, that Party shall not breach the said agreement through the exercise of governmental authority. The	dụng quy định của điều ước quốc tế đó. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi, miễn trừ lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì vụ việc dân sự có liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đó được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Điều 5. Chính sách về đầu tư kinh doanh 1. Nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Luật này không cấm. 2. Nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; được tiếp cận, sử dụng các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ, sử dụng đất đai và tài nguyên khác theo quy định của pháp luật. 3. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các	- các nguyên tắc về bảo đảm quyền tố tụng, quyền được xét xử công bằng trong các thủ tục liên quan Về mặt thực tiễn, cần chú ý rằng, các cam kết tại Điều 14 hướng tới hệ quả thực tế của các biện pháp (quy phạm pháp luật, biện pháp hành chính, quyết định xử lý vụ việc, phán quyết…), ví dụ việc áp dụng các biện pháp đó có gây ra sự phân biệt đối xử rõ ràng theo các căn cứ bất hợp lý không, có tạo ra sự thiên vị minh thị không… Trên thực tế, Việt Nam đang gặp phải nhiều vấn đề liên quan tới hiệu quả thực tế của việc bảo vệ quyền, lợi ích, tài sản của nhà đầu tư do những yếu kém về cơ chế, vấn đề năng lực của các cơ quan xét xử (xét xử sai, nợ đọng vụ việc…). Điều này nếu không được khắc phục kịp thời, đặc biệt trong các vụ việc có liên quan tới nhà đầu tư EU, có thể dẫn tới những vi phạm thực tế đối với cam kết tại Điều 14 này, mặc dù về mặt pháp luật VN đã hoàn toàn

DRAFT

conditions are: (i) the written agreement is concluded and takes effect after the date of entry into force of this Agreement[18]; (ii) the investor relies on that written agreement in deciding to make or maintain an investment referred to in article in Article 13. 1 (i) [Scope of section II Investment Protection] other than the written agreement itself and the breach causes actual damages to that investment; (iii) the written agreement[19] creates an exchange of rights and obligations in connection to the said investment, binding on both parties; and (iv) the written agreement does not contain a clause on the settlement of disputes between the parties to that agreement by international arbitration. 6. When applying the above fair and equitable provisions, a Tribunal will take into account whether a Party made a specific representation to an investor to	quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư. 4. Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế. 5. Nhà nước tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến đầu tư kinh doanh mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Luật Tố tụng dân sự Điều 4. Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác. 2. Tòa án không được từ chối giải quyết vụ	tương thích. ***2. Liên quan tới nghĩa vụ không được phá vỡ các thỏa thuận giữa Nhà nước và nhà đầu tư bằng các quyết định hành chính hoặc pháp luật*** *theo khoản 5* EVFTA, PLVN chưa có bất kỳ quy định nào về vấn đề này, vì vậy chưa tương thích với EVFTA. Về thủ tục trong Phụ lục đi kèm khoản 5: Đây là vấn đề thuộc về quy trình liên quan tới giải quyết tranh chấp ISDS, không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung. ***3. Khoản 6*** là cam kết liên quan đến cách giải thích cam kết của trọng tài ISDS về nghĩa vụ tại Điều này của EVFTA, do đó không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung. **Đề xuất** - Quy định 01 Điều về nghĩa vụ tại khoản 5 Điều 14 này vào Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư; có

[18]For greater certainty, a written agreement that is concluded and takes effect after the entry into force of this Agreement does not include the renewal or extension of an agreement in accordance with the provisions of the original agreement, and on the same or substantially the same terms and conditions as the original agreement, which has been concluded and entered into force prior to the entry into force of this Agreement.

[19] Written agreement means an agreement in writing, entered into by a Party with an investor of the other Party or their investment, referred to in Article 13 [Scope of section II Investment Protection], and negotiated and executed by both Parties, whether in a single instrument or multiple instruments.

induce an investment referred to in Article 13. 1 (i) [Scope of section II Investment Protection], that created a legitimate expectation, and upon which the investor relied in deciding to make or maintain that investment, but that Party subsequently frustrated. 7. A breach of another provision of this Agreement, or of a separate international agreement, does not in itself establish that there has been a breach of this Article. **Annex []** **Understanding on the application of paragraph 5 of the article x [Treatment of Investment]** 1. Notwithstanding the condition set forth in paragraph 5(i) of the article 14 [Treatment of Investment], an investor referred to in paragraph 3(a)(i) who has a dispute that falls into the scope of Section 3 with the Party with whom it has entered into the written agreement that is concluded and has taken effect before the entry into force of this Agreement can claim the benefit of paragraph 5 of Article 14 [Treatment of Investment] in accordance with the procedures and conditions set forth in this annex. 2. Written agreements that are concluded	việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng là vụ việc dân sự thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng tại thời điểm vụ việc dân sự đó phát sinh và cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án giải quyết chưa có điều luật để áp dụng. Việc giải quyết vụ việc dân sự quy định tại khoản này được thực hiện theo các nguyên tắc do Bộ luật dân sự và Bộ luật này quy định. Điều 5. Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự 1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. 2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Bộ luật tố tụng hình sự Điều 2. Hiệu lực của Bộ luật tố tụng hình sự	thể quy định đồng thời các quy trình và điều kiện như tại Phụ lục kèm theo khoản 5 (chú ý chỉ giới hạn phạm vi áp dụng của các quy định này ở các nhà đầu tư từ các nước thành viên EU cụ thể được liệt kê trong phụ lục) - Chú ý công tac thực thi để đảm bảo việc tuân thủ cam kết tại Điều 14 này (đồng thời chú ý trong Cơ chế đốiphó, xử lý với các vụ việc ISDS của Việt Nam cần có tiêu chí giám sát về việc thực hiện các nghĩa vụ này của các đơn vị liên quan nhằm giảm thiểu nguy cơ bị kiện dựa trên các căn cứ này)

DRAFT

and have taken effect before the entry into force of this Agreement and fulfill the conditions set out in this paragraph can be notified within 1 year from the date of the entry into force of this Agreement: a. Such written agreements must satisfy all conditions set forth under ii) - iv) in paragraph 5 of Article 14 [Treatment of Investment]; and b. Such written agreements were entered into either: (i) by Viet Nam with investors of the EU Member States specified under paragraph 8 or their investments, referred to in Article 13. [Scope of section II Investment Protection]; or (ii) by one of the EU Member States specified under paragraph 8 with investors of Viet Nam or their investments, referred to in Article 13. [Scope of section II Investment Protection]. 3. The procedure for notifying the written agreements referred to in paragraph 1 shall be as follows: a. Notification shall include: (i) the name, nationality and address of the investor who is a party to the written agreement referred in paragraph 1 being notified and the nature of the investment of that investor, and, where the written	Mọi hoạt động tố tụng hình sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này. Hoạt động tố tụng hình sự đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công dân nước thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập thì được tiến hành theo quy định của điều ước quốc tế đó. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các đặc quyền ngoại giao hoặc quyền ưu đãi, miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập hoặc theo tập quán quốc tế, thì vụ án được giải quyết bằng con đường ngoại giao. <u>Điều 3. Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự</u> Mọi hoạt động tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này. Điều 4. Tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân	

agreement is entered into by the investment of that investor, the name, address and place of incorporation of the investment; (ii) a copy of the written agreement, including all of its instruments. b. The written agreements shall be notified in writing to the competent authority designated below: (i) in the case of Viet Nam: the Ministry of Planning and Investment of Viet Nam. (ii) in the case of the EU: the European Commission. 4. The notification referred to in paragraph 1 does not create any substantive rights to the investor who is a party to that notified written agreement or their investment. 5. The competent authorities will compile in a list the written agreements that have been notified in accordance with the above procedure. 6. Should a dispute arise in connection with one of the above notified written agreements, the relevant competent authority shall verify if the agreement satisfies all conditions set forth under ii) - iv) in paragraph 5 of the article 14 [Treatment of Investment] and procedures set forth in this Annex. 7. On the basis of that verification, should	Khi tiến hành tố tụng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm trong phạm vi trách nhiệm của mình phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó, nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết nữa. Điều 5. Bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật Tố tụng hình sự tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật. Điều 6. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục	

those requirements referred to in paragraph 6 of this Annex not be met, the claim that paragraph 5 of Article 14 applies to the written agreement shall not be admissible. 8. The EU Member States referred to in this understanding are NL, RO, UK, AT, DE, ES	hình. Điều 7. Bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân Công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản đều bị xử lý theo pháp luật. Người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ mà bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật. Điều 8. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân Không ai được xâm phạm chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Việc khám xét chỗ ở, khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện tín, khi tiến hành tố tụng phải theo đúng quy định của Bộ luật này. Điều 9. Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật	

DRAFT

	Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Luật Khiếu nại Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại 1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Điều 4. Nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại phải được thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời. Điều 5. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết khiếu nại được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.	

DRAFT

	2. Cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật của mình; nếu trái pháp luật phải kịp thời sửa chữa, khắc phục, tránh phát sinh khiếu nại.	
Article 15 Compensation for losses 1. Investors of a Party whose investments suffer losses owing to war or other armed conflict, revolution, a state of national emergency, revolt, insurrection or riot in the territory of the other Party shall be accorded by the latter Party, with respect to restitution, indemnification, compensation or other form of settlement, treatment no less favourable than that accorded by the latter Party to its own investors or to the investors of any third country. 2. Without prejudice to paragraph 1 of this Article, investors of a Party who, in any of the situations referred to in that paragraph, suffer losses in the territory of the other	Luật Đầu tư (Điều 9) Luật Doanh nghiệp (Điều 5) **Luật trưng mua, trưng dụng tài sản** **Điều 4. Nguyên tắc trưng mua, trưng dụng tài sản** 1. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia. 2. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản và không phân biệt đối xử. **Điều 5. Điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản** Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng tài sản mà các biện pháp huy động	**Đánh giá** ***1. Về khoản 1 Điều 15*** PLVN không có quy định riêng về việc bồi thường tổn thất, thiệt hại do chiến tranh, xung đột vũ trang gây ra đối với nhà đầu tư mà chỉ có quy định về việc đảm bảo quyền của nhà đầu tư trong trường hợp bị thiệt hại tài sản do Nhà nước trưng mua, trưng dụng vì lý do an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, do cam kết EVFTA tại khoản 1 không đòi hỏi VN phải có biện pháp, quy định về việc bồi thường, xử lý trong các trường hợp này mà chỉ đòi hỏi các biện pháp phải được áp dụng theo cách thức không phân biệt đối xử, vì vậy về cơ bản thì PLVN đã tương thích một phần với EVFTA.

DRAFT

Party resulting from: (a) requisitioning of their investment or a part thereof by the latter's armed forces or authorities, or (b) destruction of their investment or a part thereof by the latter's armed forces or authorities, which was not required by the necessity of the situation; shall be accorded prompt, adequate and effective restitution or compensation by the other Party.	khác không thực hiện được, thuộc một trong các trường hợp sau đây: 1. Khi đất nước trong tình trạng chiến tranh hoặc trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về tình trạng khẩn cấp; 2. Khi an ninh quốc gia có nguy cơ bị đe dọa theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia; 3. Khi mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia có khả năng bị xâm phạm hoặc cần được tăng cường bảo vệ theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về an ninh quốc gia;… Điều 19. Thanh toán tiền trưng mua tài sản Điều 35-39: Bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra **Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước** Điều 6. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường 1. Việc xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án phải có các căn cứ sau đây: a) Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật và thuộc	***2. Về khoản 2 Điều 15*** - PL về trưng mua, trưng dụng chỉ quy định về việc trưng mua, trưng dụng và bồi thường cho các trường hợp "thật cần thiết"; PL về bồi thường của Nhà nước loại trừ trường hợp thiệt hại gây ra do tình thế cấp thiết. Như vậy PLVN hiện chưa tương thích với EVFTA do chưa bao trùm trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 EVFTA - Chú ý là cam kết tại khoản này yêu cầu việc "hoàn trả hoặc bồi thường hiệu quả, nhanh chóng và đầy đủ"– tức là nhìn cả từ khía cạnh hiệu quả thực tế **Đề xuất** Đưa quy định tại Điều 15 này thành 01 Điều trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư

DRAFT

	phạm vi trách nhiệm bồi thường quy định tại các điều 13, 28, 38 và 39 của Luật này; b) Có thiệt hại thực tế do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra đối với người bị thiệt hại. 2. Việc xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự phải có các căn cứ sau đây: a) Có bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người bị thiệt hại thuộc các trường hợp được bồi thường quy định tại Điều 26 của Luật này; b) Có thiệt hại thực tế do người tiến hành tố tụng hình sự gây ra đối với người bị thiệt hại. 3. Nhà nước không bồi thường đối với thiệt hại xảy ra trong các trường hợp sau đây: a) Do lỗi của người bị thiệt hại; b) Người bị thiệt hại che dấu chứng cứ, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật trong quá trình giải quyết vụ việc; c) Do sự kiện bất khả kháng, tình thế cấp thiết. Điều 7. Nguyên tắc giải quyết bồi thường Việc giải quyết bồi thường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây: 1. Kịp thời, công khai, đúng pháp luật; 2. Được tiến hành trên cơ sở thương lượng	

DRAFT

	giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường với người bị thiệt hại hoặc đại diện hợp pháp của họ; 3. Được trả một lần bằng tiền, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.	
Article 16 Expropriation 1. Neither Party shall directly or indirectly nationalise, expropriate or subject to measures having an effect equivalent to nationalisation or expropriation (hereinafter referred to as 'expropriation') the investments of investors of the other Party except: (a) for a public purpose; (b) under due process of law; (c) on a non-discriminatory basis; and (d) against payment of prompt, adequate and effective compensation. For greater certainty, this paragraph shall be interpreted in accordance with Annex X on Expropriation. 2. Such compensation shall amount to the fair market value of the investment at the time immediately before the expropriation or the impending expropriation became public knowledge, whichever is earlier, plus interest at a reasonable rate established on a commercial basis, from the date of expropriation until the date of	**Luật Đầu tư** Điều 9. Bảo đảm quyền sở hữu tài sản 2. Trường hợp Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai thì nhà đầu tư được thanh toán, bồi thường theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan. **Luật Doanh nghiệp** Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp 3. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của doanh nghiệp; trường hợp trưng mua thì doanh nghiệp được thanh toán, trường hợp trưng dụng	**Đánh giá** ***1. Về các nguyên tắc trưng mua, trưng dụng:*** PLVN đã tương thích với EVFTA (riêng nguyên tắc về việc bồi thường/thanh toán nhanh, đầy đủ và hiệu quả thì mặc dù PLVN đã có quy định rõ về cách thức, thời hạn bồi thường, đây là vấn đề thuộc hiệu quả thực thi nên không xác định được mức độ tương thích) ***2. Về nguyên tắc xác định mức bồi thường:*** - Về thời điểm xác định giá trị bồi thường: PLVN đã tương thích với EVFTA (thậm chí theo hướng có lợi hơn cho nhà đầu tư so với EVFTA) - Về lãi suất trong trường hợp thanh toán chậm: PLVN chưa có quy định, vì vậy chưa tương thích với EVFTA ***3. Về vấn đề đất đai:*** Do EVFTA ghi nhận nguyên tắc phù hợp với pháp luật nội địa nên PLVN đã tương thích ***4. Về vấn đề li-xăng cưỡng chế***:

payment. Such compensation shall be effectively realisable, freely transferable in accordance with Article 17 (Transfers) and made without delay. 3. Notwithstanding Paragraphs 1 and 2, in the case the Socialist Republic of Viet Nam is the expropriating Party, any measure of direct expropriation relating to land shall be: i) for a purpose in accordance with the applicable domestic legislation[20] and ii) upon payment of compensation equivalent to the market value, while recognising the applicable domestic legislation 4. The issuance of compulsory licenses in relation to intellectual property rights, to the extent that such issuance is consistent with the Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights in Annex 1C to the WTO Agreements ('TRIPS Agreement'), does not constitute expropriation for the purposes of paragraph 1) of this Article. 5. An affected investor shall have a right, under the law of the expropriating Party, to prompt review of its claim and of the valuation of its investment, by a judicial or	thì doanh nghiệp được bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm trưng mua hoặc trưng dụng. Việc thanh toán hoặc bồi thường phải bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp. L **Luật trưng mua, trưng dụng tài sản** Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. *Trưng mua tài sản* là việc Nhà nước mua tài sản của tổ chức (không bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân), cá nhân, hộ gia đình thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia. 2. *Trưng dụng tài sản* là việc Nhà nước sử dụng có thời hạn tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia. 3. *Người có tài sản trưng mua* là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài	Đây là quyền, không phải nghĩa vụ, nên PLVN đã tương thích ***5. Về quyền khiếu nại, khiếu kiện của nhà đầu tư trong vấn đề này:*** PLVN về khiếu nại, khiếu kiện đã tương thích với yêu cầu này của EVFTA ***6. Về khái niệm trưng mua, trưng dụng trực tiếp, gián tiếp:*** PLVN chưa có quy định này; theo định nghĩa tại Luật trưng mua, trưng thu thì PLVN hiện chưa thừa nhận trưng mua, trưng dụng gián tiếp theo nghĩa tại cam kết, vì vậy chưa tương thích với cam kết. **Đề xuất** Quy định 01 Điều về trưng mua trưng dụng trong Văn bản riêng thực thi EVFTA về Đầu tư, trong đó: - Quy định dẫn chiếu tới PL về trưng mua, trưng dụng - Quy định nguyên tắc về trưng mua, trưng dụng áp dụng riêng cho nhà đầu tư EU về lãi suất, trưng mua/trưng dụng gián tiếp

[20]The applicable domestic legislation is Viet Nam's Land Law no. 45/2013/QH13 and Decree 44/2014/ND-CP Regulating Land Prices, as at the date of entry into force of this Agreement

other independent authority of that Party. **Annex [ ] Expropriation** The Parties confirm their shared understanding that: 1. Expropriation referred to in Article 16.1 may be either direct or indirect: a) direct expropriation occurs when an investment is nationalised or otherwise directly expropriated through formal transfer of title or outright seizure. b) indirect expropriation occurs where a measure or series of measures by a Party has an effect equivalent to direct expropriation, in that it substantially deprives the investor of the fundamental attributes of property in its investment including the right to use, enjoy and dispose of its investment, without formal transfer of title or outright seizure. 2. The determination of whether a measure or series of measures by a Party, in a specific factual situation, constitutes an indirect expropriation requires a case-by-case, fact-based inquiry that considers, amongst other factors: a) the economic impact of the measure or series of measures, although the fact that a measure or series of measures by a Party has an adverse effect on the economic	sản thuộc đối tượng trưng mua. 4. *Người có tài sản trưng dụng* là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng trưng dụng. ***Điều 3. Chính sách trưng mua, trưng dụng tài sản*** 1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp về tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư. 2. Người có tài sản trưng mua được thanh toán tiền trưng mua tài sản; người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về tài sản do việc trưng dụng gây ra thì được bồi thường thiệt hại theo giá thị trường. Điều 4. Nguyên tắc trưng mua, trưng dụng tài sản 1. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia. 2. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản và không phân biệt đối xử. 3. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản được thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và phải tuân theo điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.	

DRAFT

value of an investment, standing alone, does not establish that such an expropriation has occurred; b) the duration of the measure or series of measures by a Party or of its effects; c) the character of the measure or series of measures, notably their object, context and intent. 3. For greater certainty, except in the rare circumstances where the impact of a measure or series of measures is so severe in light of its purpose that it appears manifestly excessive, non- discriminatory measures or series of measures by a Party that are designed to protect legitimate public policy objectives do not constitute indirect expropriation.	4. Người có tài sản trưng mua, trưng dụng phải chấp hành quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của người có thẩm quyền. 5. Việc quản lý, sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng phải đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả. Điều 5. Điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng tài sản mà các biện pháp huy động khác không thực hiện được, thuộc một trong các trường hợp sau đây: 1. Khi đất nước trong tình trạng chiến tranh hoặc trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về tình trạng khẩn cấp; 2. Khi an ninh quốc gia có nguy cơ bị đe dọa theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia; 3. Khi mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia có khả năng bị xâm phạm hoặc cần được tăng cường bảo vệ theo quy định của pháp luật về quốc phòng và pháp luật về an ninh quốc gia; 4. Khi phải đối phó với nguy cơ hoặc để khắc phục thảm họa do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên diện rộng hoặc nếu không ngăn	

DRAFT

	chặn kịp thời sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước. Điều 18. Giá trưng mua tài sản 1. Việc xác định giá trưng mua tài sản được quy định như sau: a) Giá trưng mua tài sản được xác định căn cứ vào giá phổ biến trên thị trường địa phương của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và xuất xứ tại thời điểm quyết định trưng mua tài sản; b) Trường hợp tại thời điểm thanh toán tiền trưng mua tài sản, giá thị trường của tài sản trưng mua cao hơn so với giá thị trường tại thời điểm quyết định trưng mua thì giá trưng mua tài sản được tính theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán; c) Đối với tài sản là bất động sản, phương tiện kỹ thuật hoặc tài sản khác mà việc xác định chính xác giá khó thực hiện ngay tại thời điểm trưng mua tài sản thì người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản có thể thành lập hội đồng để xác định giá trưng mua tài sản. 2. Giá trưng mua tài sản do người có tài sản trưng mua và người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản thỏa thuận theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được ghi vào quyết định trưng mua tài sản. Trường hợp không thỏa	

DRAFT

	thuận được thì người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản quyết định giá trưng mua tài sản; nếu người có tài sản trưng mua không đồng ý với giá này thì vẫn phải chấp hành nhưng có quyền khiếu nại. Điều 19. Thanh toán tiền trưng mua tài sản 1. Tiền trưng mua tài sản được thanh toán một lần cho người có tài sản trưng mua trong thời hạn như sau: a) Không quá bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày quyết định trưng mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này; b) Không quá ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định trưng mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 5 của Luật này. 2. Trường hợp không thể thanh toán kịp theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này vì lý do bất khả kháng thì được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không quá bốn mươi lăm ngày đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và không quá ba mươi ngày đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Việc gia hạn phải được thông báo bằng văn bản cho người có tài sản trưng mua biết trước khi kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1	

DRAFT

	Điều này.	
Article 17 Transfer Each Party shall permit all transfers relating to an investment to be made in a freely convertible currency, without restriction or delay and at the market rate of exchange applicable on the date of transfer. Such transfers include: (a) contributions to capital, such as principal and additional funds to maintain, develop or increase the investment; b) profits, dividends, capital gains and other returns, proceeds from the sale of all or any part of the investment or from the partial or complete liquidation of the investment; c) interest, royalty payments, management fees, and technical assistance and other fees; (d) payments made under a contract entered into by the investor, or its investment, including payments made pursuant to a loan agreement; (e) earnings and other remuneration of personnel engaged from abroad and working in connection with an investment. (f) payments made pursuant to art. X ['Expropriation'] and Y ['Compensation for Losses']. g) payments of damages pursuant to an	**Luật Đầu tư** Điều 11. Bảo đảm chuyển tài sản của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài Sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các tài sản sau đây: 1. Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư; 2. Thu nhập từ hoạt động đầu tư kinh doanh; 3. Tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư.	**Đánh giá** PLVN về cơ bản đã tương thích với EVFTA nhưng không chi tiết như EVFTA: - PLVN chỉ ghi nhận quyền chuyển tiền ra nước ngoài nói chung, trong khi EVFTA nhấn mạnh các yêu cầu của việc chuyển tiền (ngoại tệ tự do chuyển đổi, không hạn chế, không chậm trễ, theo tỷ giá thị trường vào thời điểm chuyển đổi) - Về các tài sản chuyển ra nước ngoài PLVN quy định chỉ 03 nhóm, mang tính bao trùm, trong khi EVFTA nêu rõ từng trường hợp. **Đề xuất** Về nguyên tắc không phải điều chỉnh gì về pháp luật chung cũng như quy định gì thêm tại Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư Tuy nhiên, để tăng tính minh bạch, có thể cân nhắc quy định 01 về các nguyên tắc đối với việc chuyển tiền ra nước ngoài như nêu tại phần đầu của Điều 17 EVFTA

DRAFT

award issued by a tribunal under Chapter X Investor to State Dispute Settlement.		
Article 18 Subrogation If a Party, or an agency thereof, makes a payment under an indemnity, guarantee or contract of insurance it has entered into in respect of an investment made by one of its investors in the territory of the other Party, the other Party shall recognise the subrogation or transfer of any right or title or the assignment of any claim in respect of such investment. The Party or the agency shall have the right to exercise the subrogated or assigned right or claim to the same extent as the original right or claim of the investor. Such rights may be exercised by the Party or an agency thereof, or by the investor only if the Party or an agency thereof so authorises.	PLVN không có quy định trực tiếp về vấn đề này Bộ luật dân sự	**Đánh giá** PLVN không có quy định về vấn đề này, tuy nhiên PLVN (BLDS, phần về tài sản, giao dịch dân sự) cũng không có quy định nào cản trở việc tiếp quản các quyền theo giao dịch hợp pháp giữa cơ quan Nhà nước với các chủ thể khác. Đề xuất - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật - Nếu cần thiết có thể cân nhắc quy định 01 Điều về nguyên tắc tại Điều 18 trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (với ý nghĩa là khẳng định lại cho rõ chứ không làm thay đổi hiện trạng PL chung)
Article 19 Termination In the event that the present Agreement is terminated pursuant to Article X [16-Duration] in Chapter [Final Provisions]], the provisions of this Section and those of Chapter II Section 3 (Resolution of Investment Disputes) shall continue to be effective for a further period of 15 years from the date of termination, with respect to investments made before the date of termination of the present Agreement,	PLVN không có quy định	**Đánh giá** Đây là vấn đề về hiệu lực của EVFTA, không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

DRAFT

unless the Parties agree otherwise.		
Article 20 Relationship with other Agreements 1. Upon the entry into force of this Agreement, including this Chapter, the agreements between Member States of the European Union and Viet Nam listed in Annex (Y) (Parties to prepare a list of BITs and survival clauses) including the rights and obligations derived therefrom, shall cease to have effect and shall be replaced and superseded by this Agreement[21]. 2. In the event of the provisional application in accordance with paragraph 4 of Article X. 15 (Entry into Force) of this Agreement, including this Chapter, the application of the provisions of the agreements listed in Annex (Y), as well as the rights and obligations derived therefrom, shall be suspended as of the date of provisional application. In the event the provisional application of this Agreement is terminated and this Agreement does not enter into force, the suspension shall cease and the agreements listed in Annex Y shall have effect.	PLVN không có quy định	**Đánh giá** Đây là vấn đề về hiệu lực của EVFTA, không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

[21]For greater certainty, the Parties share the understanding that the "survival clauses" listed in Annex Z of the Agreements listed in Annex Y shall also cease to have effect.

DRAFT

3.Notwithstanding paragraphs 1 and 2, a claim may be submitted pursuant to the provisions of an agreement listed in Annex (Y), in accordance with the rules and procedures established in the agreement, provided that: (i) the claim arises from an alleged breach of provisions of that agreement that took place prior to date of suspension of the agreement pursuant to paragraph 2 or, if the agreement is not suspended pursuant to paragraph 2, prior to the date of entry into force of this Agreement, and (ii) no more than three (3) years have elapsed from the date of suspension of the agreement pursuant to paragraph 2 or, if the agreement is not suspended pursuant to paragraph 2, from the date of entry into force of this Agreement until the date of submission of the claim. 4. Notwithstanding paragraphs 1 and 2, if the provisional application of this Agreement, including this Chapter, is terminated and this Agreement, including this Chapter, does not enter into force, a claim may be submitted pursuant to the provisions of this Agreement, in accordance with the rules and procedures established in this Agreement, provided that:		

DRAFT

(i) the claim arises from an alleged breach of provisions of this Agreement that took place during the period of the provisional application of this Agreement, and (ii) no more than three (3) years have elapsed from the date of termination of the provisional application until the date of submission of the claim. 5. For greater certainty, no claim may be submitted pursuant to the provisions of this Agreement, in accordance with the rules and procedures established in this Agreement if, (i) the claim arises from an alleged breach of provisions of this Agreement that took place before the date of entry into force of this Agreement, or (ii) in the event of the provisional application of this Agreement, if the claim arises from an alleged breach of provisions of this Agreement that took place before the provisional application of this Agreement. 6. For the purposes of this Article, the definition of "entry into force of this Agreement" provided for in paragraph 4(d) of Article X.15 (Entry into Force) shall not apply.		
Annex [] Public debt 1. No claim that a restructuring of debt of a Party breaches an obligation under Section	PLVN không có quy định	**Đánh giá** Đây là vấn đề về phạm vi hiệu lực của chế định ISDS của EVFTA, không thuộc phạm

DRAFT

2 [Investment Protection] may be submitted to, or if already submitted, be pursued under Section 3 [Resolution of Investment Disputes and Investment Court System] if the restructuring is a negotiated restructuring at the time of submission, or becomes a negotiated restructuring after such submission. 2. Notwithstanding [Article 6 Submission of a Claim, Section on Resolution of Investment Disputes and Investment Court System], and subject to paragraph 1 of this Annex, an investor may not submit a claim under Section 3 [Resolution of Investment Disputes and Investment Court System] that a restructuring of debt of a Party breaches Articles X [National Treatment] or X [Most-Favoured Nation] of Section 1 [Liberalisation of Investments][22]21 or an obligation under Section 2 [Investment Protection], unless 270 days have elapsed from the date of submission by the claimant of the written request for consultations pursuant to [Article 4 Consultations].		vi của pháp luật nội địa về nội dung **Đề xuất** -Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

[22]For greater certainty, a breach of the Article [National Treatment] or Article [Most-Favoured Nation] does not occur merely by virtue of a different treatment provided by a Party to certain categories of investors or investments on grounds of a different macroeconomic impact, for instance to avoid systemic risks or spillover effects, or on grounds of eligibility for debt restructuring.

DRAFT

3. For the purposes of this Annex: - ‘negotiated restructuring’ means the restructuring or rescheduling of debt of a Party that has been effected through (i) a modification or amendment of debt instruments, as provided for under their terms, including their governing law, or (ii) a debt exchange or other similar process in which the holders of no less than 66% of the aggregate principal amount of the outstanding debt subject to restructuring, excluding debt held by that Party or by entities owned or controlled by it, have consented to such debt exchange or other process. - "governing law" of a debt instrument means a country's legal and regulatory framework applicable to that debt instrument. 4. For greater certainty, “debt of a Party” includes, in the case of the European Union, debt of a government of a Member State, or of a Government in a Member State, at the central, regional or local level.		
Section 3. Resolution of Investment Disputes **SUB-SECTION 1: SCOPE AND DEFINITIONS**		**Quan điểm tiếp cận** Cơ chế ISDS chỉ dành riêng cho các nhà đầu tư EU đáp ứng các điều kiện quy định, trong các loại tranh chấp được quy định trong EVFTA. Cơ chế này không áp dụng cho nhà đầu tư trong nước, cũng không

DRAFT

		ảnh hưởng tới quy trình giải quyết tranh chấp trọng tài trong nước. Nói cách khác, cơ chế ISDS tồn tại song song với các cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư nội địa chứ không thay thế. Vì vậy, cần quy định về Cơ chế ISDS dành cho các nhà đầu tư EU tại Văn bản riêng thực thi EVFTA mà không điều chỉnh hay sửa đổi gì đối với pháp luật nội địa (về trọng tài) liên quan. Về nội dung các quy định của cơ chế ISDS cần đưa vào Văn bản thực thi EVFTA về đầu tư: Xem các đề xuất cụ thể trong các phần.
Article 1 Scope 1. This Section shall apply to a dispute between, on the one hand, a claimant of one Party and, on the other hand, the other Party concerning any measure[23] alleged to breach the provisions of: (a) Section 2 (Investment protection), (b) Article 3 paragraph 2 (national treatment as regards the operation of investments) and Article 4 paragraph 2 (most favoured nation treatment as regards the operation of investments) of Section 1 with respect to the operation of	PLVN không có quy định	**Đánh giá** Cam kết về phạm vi các tranh chấp có thể sử dụng ISDS là rất quan trọng, vì vậy cần được quy định rõ trong pháp luật nội địa. **Đề xuất** Nội luật hóa cam kết tại Điều này trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (phần về ISDS)

[23]The Parties understand that the term “measure” may include failures to act.

investments as referred to in Article 13(1)(i) (Scope) of Section 2 (Investment Protection), which allegedly causes loss or damage to the claimant or, where the claim is brought on behalf of a locally established company owned or controlled by the claimant, to the locally established company. 2. For greater certainty, a claimant may not submit a claim under this Section if its investment has been made through fraudulent misrepresentation, concealment, corruption or conduct amounting to an abuse of process. 3. The Tribunal may not decide claims that fall outside of the scope of this Article.		
Article 2 Definitions The definitions contained in Chapter 1, Article X (Objectives, coverage and definitions) apply to this Section. "proceeding", unless otherwise specified, means a proceeding before the Tribunal or Appeal Tribunal under this Section; "disputing parties" means the claimant and respondent; "claimant of a Party" means: (a) an "investor" of a Party, as defined in Article 13 (ii) of Section 2 (Scope) acting on its own behalf; or (b) an “investor” of a Party acting on		**Đánh giá** Các định nghĩa này quan trọng, đặc biệt định nghĩaliên quan tới phạm vi các chủ thể có quyền khởi kiện theo cơ chế ISDS, vì vậy cần được quy định rõ trong pháp luật nội địa. **Đề xuất** Nội luật hóa cam kết tại Điều này trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (phần về ISDS)

DRAFT

behalf of a locally established company, which it owns or controls. For greater certainty, a claim submitted under (b) shall be deemed to relate to a dispute between a Contracting State and a national of another Contracting State for the purpose of Article 25(1) of the ICSID Convention. "non-disputing Party" means Viet Nam when the respondent is the European Union or a Member State of the European Union, and the European Union when Viet Nam is the respondent. "respondent" means either Viet Nam or, in the case of the European Union, either the European Union or the Member State concerned as notified pursuant to Article 6. “locally established company” means a juridical person, established in the territory of one Party, and owned and controlled by an investor of the other Party. “Third Party funding” means any funding provided by a natural or juridical person who is not a party to the dispute but who enters into an agreement with a disputing party in order to finance part or all of the cost of the proceedings in return for a remuneration dependent on the outcome of the dispute or in the form of a donation or grant. “UNCITRAL Transparency Rules” means		

DRAFT

the UNCITRAL Rules on Transparency in Treaty- based Investor-State Arbitration.		
SUB-SECTION 2: ALTERNATIVE DISPUTE RESOLUTION AND CONSULTATIONS		**Đánh giá** Các nội dung này liên quan tới quy trình chi tiết, thủ tục tố tụng để giải quyết tranh chấp ISDS. Các nội dung này đủ chi tiết, đủ rõ ràng để có thể áp dụng trực tiếp. **Đề xuất** - Quốc hội ban hành Nghị quyết áp dụng trực tiếp các nội dung này của EVFTA - Dành 01 Điều trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (phần về ISDS) để dẫn chiếu tới các quy trình, thủ tục tại các phần nội dung này của EVFTA
SUB-SECTION 3: SUBMISSION OF A CLAIM AND CONDITIONS PRECEDENT		
SUB-SECTION 4: INVESTMENT TRIBUNAL SYSTEM		
SUB-SECTION 5: CONDUCT OF PROCEEDINGS)[24] **(except for Article 31)**		
Article 31 Enforcement of awards 1. Final awards issued pursuant to this Section: (a) shall be binding between the disputing parties and in respect of that particular case; and (b) shall not be subject to appeal, review, set aside, annulment or any other remedy. 2. Each Party shall recognize an award rendered pursuant to this Agreement as binding and enforce the pecuniary obligation within its territory as if it were a		**Đánh giá** Các cam kết trong Điều này liên quan tới thủ tục công nhận và thi hành phán quyết (cần việc tổ chức thực hiện của pháp luật nội địa) và các bảo lưu liên quan tới hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp, vì vậy cần được điều chỉnh trong pháp luật nội địa. **Đề xuất** Quy định trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (phần về ISDS) - Quy định về hiệu lực pháp lý của

[24] See content at: http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/evfta_chapter_8.pdf

final judgement of a court in that Party. 3. Notwithstanding paragraphs 1 and 2, during the period mentioned in paragraph 4, the recognition and enforcement of a final award in respect of a dispute where Viet Nam is the respondent shall be conducted pursuant to the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards of 10th June, 1958 (New York Convention). During this time, paragraph 1(b) of this Article and paragraph 3(b) of Article 10 (Consent) do not apply to disputes where Viet Nam is a respondent. 4. Upon completion of a period of 5 years after the entry into force of this Agreement, or a longer period fixed by the Trade Committee should the conditions warrant, the recognition and enforcement of a final award in respect of disputes where Viet Nam is the respondent shall be in accordance with paragraphs 1 and 2. 5. Execution of the award shall be governed by the laws concerning the execution of judgments or awards in force where such execution is sought. 6. For greater certainty, Article X (Rights and obligations of natural or juridical persons under this Agreement, Chapter X) shall not prevent the recognition, execution		phán quyết trọng tài như khoản 1 Điều 31 EVFTA; - Quy định rõ về cơ chế công nhận và thi hành phán quyết trọng tài và các nội dung liên quan tới bảo lưu như nêu trong cam kết trong 02 trường hợp: + Trong thời gian bảo lưu: 5 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực; và + Sau thời gian bảo lưu: Từ năm thứ 6 trở đi (hoặc thời điểm do Ủy ban thương mại xác định)

DRAFT

and enforcement of awards rendered pursuant to this Section. 7. For the purposes of Article 1 of the New York Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards, final awards issued pursuant to this Section shall be deemed to be arbitral awards and to relate to claims arising out of a commercial relationship or transaction. 8. For greater certainty and subject to paragraph 1, where a claim has been submitted to dispute settlement pursuant to Article 7(2)(a), a final award issued pursuant to this Section shall qualify as an award under Section 6 of the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of Other States of 18 March 1965 (ICSID).		
ANNEX I **Mediation Mechanism for investment disputes**		**Đánh giá** Các nội dung này liên quan tới quy trình chi tiết, thủ tục tố tụng để giải quyết tranh chấp ISDS. Các nội dung này đủ chi tiết, đủ rõ ràng để có thể áp dụng trực tiếp. **Đề xuất** - Quốc hội ban hành Nghị quyết áp dụng trực tiếp các nội dung này của EVFTA - Dành 01 Điều trong Văn bản thực thi EVFTA về Đầu tư (phần về ISDS) để dẫn chiếu tới các quy
ANNEX II Code of Conduct for Members of the Tribunal, the Appeal Tribunal and Mediators		
ANNEX III		
ANNEX IV **Working Procedures for the Appeal Tribunal**		

DRAFT

		trình, thủ tục tại các phần nội dung này của EVFTA

DRAFT

RÀ SOÁT PHẦN BIỂU CAM KẾT MỞ CỬA ĐẦU TƯ – DỊCH VỤ (Phụ lục 8d – Chương 8 EVFTA)

Viet Nam – Schedule of commitments – Cross border supply of services and Establishment

Cam kết EVFTA	Quy định của pháp luật Việt Nam	Đánh giá tương thích – Đề xuất giải pháp
1. The list of commitments below indicates the economic activities liberalized pursuant to Articles … (Schedule of specific commitments-Chapter II on Investment) and … (Schedule of specific commitments-Chapter III on Cross border supply of services) and, by means of reservations, the market access, national treatment and performance requirement limitations that apply to establishments and investor of the EU Party in those activities or to services and service suppliers of the EU Party in those sectors, where applicable. Establishment or supply of services in sectors or sub-sectors covered by this Agreement and not mentioned in the Schedules below is not committed.	**Nghị định 118/2015/NĐ-CP** **Điều 13. Công bố điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài** 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, tập hợp các ngành, nghề và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước quốc tế về đầu tư và ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này để công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. 2. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; b) Căn cứ áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; c) Nội dung điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này; d) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy	**Đánh giá** Cam kết này khẳng định nguyên tắc mở cửa dịch vụ - đầu tư trong EVFTA là "chọn – cho": chỉ mở các nội dung theo cam kết trong Biểu, trường hợp không có trong Biểu thì là không cam kết. Biểu của EVFTA chỉ bao gồm các điều kiện áp dụng cho hoạtđộng đầu tư và nhà đầu tư EU. Trong khi đó, văn bản pháp luật chuyên ngành của VN nếu có quy định về điều kiện mở cửa đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ là áp dụng chung cho các nhà đầu tư đến từ tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ. Các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo từng khu vực lãnh thổ theo điều ước quốc tế được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. **Đề xuất** - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật đầu tư chuyên ngành - Đề xuất cập nhật các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư EU trong Biểu của EVFTA lên Cổng thông tin

	định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này. 3. Những nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này được cập nhật trong các trường hợp sau: a) Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài có sự thay đổi theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư; b) Các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 10 Nghị định này được điều chỉnh theo kết quả rà soát quy định tại Khoản 1 Điều này. 4. Những nội dung được cập nhật trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định này.	quốc gia về đầu tư nước ngoài
2. Indentifying individual sectors and sub-sectors: (a) ISIC rev 3.1 means the International Standard Industrial Classification of all Economic Activities as set out in Statistical Office of the United Nations, Statistical Papers, Series M, N° 4, ISIC REV 3.1, 2002; (b) CPC means the Central Products Classification as referred to in footnote … of Article … (Understanding on computer services-	PLVN không quy định về CPC PLVN có phân chia 22 ngành nghề kinh tế (check lại tên VB)	Đánh giá Cam kết này viện dẫn các nội dung về mã ISIC, CPC nhằm làm rõ các ký hiệu mã ngành dùng cho các ngành dịch vụ được cam kết trong EVFTA. Trong pháp luật Việt Nam, các ngành dịch vụ được hiểu chung, hầu như không liệt kê chi tiết các hoạt động cụ thể mà bao trùm cả lĩnh vực dịch vụ lớn. Vì vậy PLVN thường là rộng hơn EVFTA về phạm vi

DRAFT

Section III on Computer Services-Chapter V on Regulatory Framework); and (c) CPC provisional means the provisional CPC codes as used in the Provisional Central Product Classification (Statistical Papers Series M No. 77, Department of International Economic and Social Affairs, Statistical Office of the United Nations, New York, 1991)		từng ngành. **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật (trừ trường hợp có sai khác lớn trong định nghĩa ngành, phân ngành dịch vụ giữa PLVN và EVFTA được xác định trong các mục rà soát dưới đây)
3. The list below does not include measures relating to qualification requirements and procedures, technical standards and licensing requirements and procedures when they do not constitute a market access, a national treatment or performance requirement limitation within the meaning of Articles … (Market access-Chapter II on Investment) and … (Market accessChapter III on Cross border supply of services) and Articles … (National Treatment-Chapter II on Investment) and … (National Treatment- Chapter III on Cross border supply of services) and ... Article ... (Performance Requirements-Chapter II on Investment). Those measures (e.g. need to obtain a license, universal service obligations, need to obtain recognition of qualifications in regulated sectors, need to pass specific examinations, including language	Luật Đầu tư **Điều 7. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện** 1. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. 2. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật này. 3. Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định	**Đánh giá** Các biện pháp nêu tại điểm này của EVFTA tương đương với các điều kiện kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Việt Nam. Các điều kiện này của PLVN được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành, áp dụng chung cho tất cả các nhà đầu tư. Với quy định này của EVFTA, PLVN về điều kiện kinh doanh đã tuân thủ. **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật

DRAFT

examinations, and non-discriminatory requirement that certain activities may not be carried out in environmental protected zones or areas of particular historic and artistic interest), even if not listed, apply in any case to establishments and investor of the EU Party or to services and service suppliers of the EU Party, where applicable.	về điều kiện đầu tư kinh doanh. 4. Điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều này và phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư. **Nghị định 118/2015/NĐ-CP** ***Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh*** 1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh. 2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây: a) Giấy phép; b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;	

DRAFT

	c) Chứng chỉ hành nghề; d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; đ) Văn bản xác nhận; e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này; g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này. 3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và	

DRAFT

	nêu rõ lý do từ chối. 4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	
4. In accordance with paragraph … of Article … (Objective and Scope), Articles … (Market access-Chapter II on Investment) and … (Market access-Chapter III on Cross border supply of services) and Articles … (National Treatment-Chapter II on Investment) and … (National Treatment- Chapter III on Cross border supply of services) and ... Article ... (Performance Requirements-Chapter II on Investment) do not apply to subsidies[25] aimed at promoting the welfare and employment of ethnic minorities .		**Đánh giá** Đây là ngoại lệ (quyền của Việt Nam) trong việc quy định các biện pháp liên quan tới trợ cấp nhằm tăng phúc lợi và việc làm cho dân tộc thiểu số (không phải tuân thủ các nguyên tắc trong Chương Đầu tư của EVFTA. Vì vậy, PLVN đã tương thích. **Đề xuất** - Chú ý ngoại lệ này trong ban hành các quy định khi cần thiết - Chú ý ngoại lệ này khi đánh giá mức độ tương thích của PLVN trong các lĩnh vực dịch vụ có cam kết cụ thể (xem dưới đây)
For greater certainty, notwithstanding Article … (Market access-Chapter II on Investment), non-discriminatory		**Đánh giá** Đây là ngoại lệ (quyền của Việt Nam) trong việc quy định loại hình doanh nghiệp

[25] For greater certainty, the Parties understand that "subsidies", for the purpose of this sentence, include benefits granted for the development of ethnic minorities, such as site assistance, human resources training, assistance for technology research and development, legal aids, market information and promotion.

requirements as regards the type of legal form of an establishment do not need to be specified in the below list of commitments on establishment in order to be maintained or adopted. For greater certainty, the following measures adopted or maintained in sectors other than services are consistent with Article … (Market access-Chapter II on Investment) and do not need to be specified in the below list of commitments on establishment in order to be maintained or adopted: (i) Measures concerning zoning or planning or regulations affecting the development or use of land, or other analogous measures; (ii) Measures seeking to ensure the conservation and protection of natural resources and the environment, including limitation on the availability, number and scope of concessions granted, and the imposition of moratoria or bans.		bắt buộc, các biện pháp liên quan tới sử dụng đất đai, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường (không phải tuân thủ các nguyên tắc trong Chương Đầu tư của EVFTA). Vì vậy, PLVN đã tương thích. **Đề xuất** - Chú ý ngoại lệ này trong ban hành các quy định khi cần thiết - Chú ý ngoại lệ này khi đánh giá mức độ tương thích của PLVN trong các lĩnh vực dịch vụ có cam kết cụ thể (xem dưới đây)
6. The rights and obligations arising from the list below shall have no self-executing effect and thus confer no rights directly on natural or juridical persons.	Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế 2005 **Điều 6.** Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước 1. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước	**Đánh giá** Cam kết tại điểm này nhấn mạnh các quy định về mở cửa trong các cam kết trong Biểu không có giá trị áp dụng trực tiếp, cần được nội luật hóa trong pháp luật nội địa. PLVN không có quy định cố định về các trường hợp áp dụng trực tiếp hoặc nội luật hóa. Vì vậy đã tương thích.

DRAFT

	quốc tế. 2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về cùng một vấn đề. 3. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó.	**Đề xuất** Chú ý nội luật hóa tất cả các cam kết trong Biểu trong Văn bản riêng thực thi EVFTA Vì lý do này mà về nguyên tắc áp dụng pháp luật thì không cần thiết phải rà soát các văn bản pháp luật chuyên ngành, do dù có quy định khác biệt thế nào thì với quy định trong Văn bản riêng thực thi EVFTA (và sau đó được tập hợp công bố trên Công thông tin về đầu tư nước ngoài), việc mở cửa thị trường cho nhà đầu tư EU vẫn sẽ theo Văn bản riêng này, không theo văn bản pháp luật chuyên ngành, trừ các trường hợp mà Văn bản riêng không có quy định. Do đó các rà soát PLVN với các cam kết mở cửa theo Biểu của EVFTA dưới đây chỉ mang tính minh họa về mức độ mở cửa thị trường trong EVFTA so với pháp luật hiện hành, không làm ảnh hưởng, thay đổi quy định của pháp luật hiện hành.
7. Where Viet Nam maintains a reservation that requires that a service supplier or an investor be a citizen, national, permanent resident or resident of its territory as a condition to the supply of a service or establishment in its territory, a reservation listed in the list of commitments in Appendix … pursuant to		**Đánh giá** Đây là vấn đề áp dụng bảo lưu của Hiệp định, không thuộc pháp luật nội địa. **Đề xuất** Chú ý kết hợp cam kết này với các cam kết liên quan để đảm bảo hiểu đúng nội hàm nghĩa vụ liên quan

DRAFT

Article … (Scope and Definitions) with respect to temporary movement of natural persons shall operate as a reservation with respect to the commitments on establishment taken in this Appendix in conformity with Article… (Schedule of specific commitments-Chapter II on Investment), to the extent applicable.		
ALL SECTORS		
Employment of foreigners 1. Unbound for measures relating to employment of foreigners, unless otherwise provided in Chapter IV [Temporary Presence of Natural Persons for Business Purposes]	Pháp luật về lao động	**Đánh giá** Đây là quyền EVFTA cho Việt Nam, không phải nghĩa vụ (trừ cam kết liên quan tại Chương IV) **Đề xuất** Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật Chú ý cam kết tại Chương IV của Chương 8
Share Acquisition, securities and public companies 2. EU investors are permitted to make capital contribution in the form of buying shares of Viet Nam's enterprises. In the case of buying shares of <u>joint-stock commercial banks, or buying shares of enterprise operates in the sectors not committed in this Schedule</u>, the total equity held by foreign investors in each enterprise may not exceed 30% of the enterprise's chartered capital. For the other	**Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng VN** **Điều 7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài** 1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam. 2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều	**Đánh giá** Ngoài các trường hợp có cam kết trong Biểu (sẽ rà soát sau đây), các trường hợp chung, mức cam kết trong EVFTA tương tự như mức mở cửa hiện tại trong PLVN (Còn trường hợp mua cổ phần của DN không thuộc lĩnh vực có cam kết??? Check lại văn bản) **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật

sectors and sub-sectors committed in this Schedule, the level of equity held by foreign investors in acquisition of Vietnamese enterprises shall be corresponding to the limitations on foreign capital participation set forth therein, if any. Unless otherwise specified in each specific sector or sub sector of this Schedule, no limitation on foreign ownership in public company, except the following: - in sectors where laws and regulations of Viet Nam prescribe limitations on foreign ownership, foreign ownership in public company shall have to comply with such limitations; - in sectors where foreign investment are conditional and conditions for foreign investment in such sector do not include limitation on foreign ownership, foreign investors are not allowed to hold more than 49% of total number of stocks of a public company" .	này. 3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam. 4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam. 5. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết. 6. Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các Khoản 2, 3, 5 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.	

DRAFT

	Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết Luật chứng khoán **Điều 2a. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam** 1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế; b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%; c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;	

DRAFT

	d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.	
Organizational issues 3. Unbound for the establishment and operation of co-operatives, union of co-operatives, household business and soleproprietorship. Representative offices of foreign service suppliers are permitted to be established in Viet Nam, but they shall not engage in any direct profit-making activities[26]. Unless otherwise indicated in each specific sector or sub-sector of this Schedule, the establishment of branches is unbound. Treatment accorded to subsidiaries of EU juridical person formed in accordance with the law of the Viet Nam and having their registered office, central administration or principal place of business within Viet Nam is not extended to branches or agencies established in Viet Nam by EU's companies[27].	**Luật hợp tác xã, Luật DN** Luật Thương mại **Điều 18.** Nghĩa vụ của Văn phòng đại diện 1. Không được thực hiện hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam. 2. Chỉ được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi mà Luật này cho phép. 3. Không được giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của thương nhân nước ngoài, trừ trường hợp Trưởng Văn phòng đại diện có giấy uỷ quyền hợp pháp của thương nhân nước ngoài hoặc các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 17 của Luật này. 4. Nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. 5. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam.	**Đánh giá** Cam kết này trong EVFTA tương tự như mức mở cửa hiện tại trong PLVN **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật

[26] Representative office is a subordinate unit of foreign enterprises, established under the Vietnamese law in order to seek, promote trade and tourism opportunities but is not allowed to engage in any direct profit-making activities.
[27] In accordance with the Civil Code of Viet Nam, these subsidiaries are considered as juridical persons of Viet Nam.

	6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. **Nghị định 72/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về VPDD, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài ở VN** Điều 2. Quyền thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1. Thương nhân nước ngoài được thành lập Văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện) theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này. 2. Thương nhân nước ngoài được thành lập Chi nhánh của mình tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh) theo các cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 22 của Luật Thương mại và quy định của Nghị định này. **Điều 16. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện** Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện bao gồm: 1. Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc.	

DRAFT

	2. Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. 3. Nghiên cứu thị trường để thúc đẩy cơ hội mua bán hàng hoá, cung ứng và tiêu dùng dịch vụ thương mại của thương nhân mà mình đại diện. 4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết với các đối tác Việt Nam hoặc liên quan đến thị trường Việt Nam của thương nhân nước ngoài mà mình đại diện. 5. Các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cho phép.	
State owned enterprises 4. Unbound for privatization, equitization or divestment of assets through transfer or disposal of equity interests or assets of State Owned Enterprises.		**Đánh giá** Đây là quyền EVFTA dành cho VN, không phải nghĩa vụ. Vì vậy PLVN đã tương thích **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật
Public utilities 5. Economic activities considered as public utilities at a national or local level may be subject to public monopolies or to exclusive rights granted to private operators		**Đánh giá** Đây là quyền EVFTA dành cho VN, không phải nghĩa vụ. Vì vậy PLVN đã tương thích **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật

DRAFT

Land and real estate[28] 6. Unbound for land ownership, acquisition of land use rights, land lease, usage of land, land planning, term of land use, rights and obligations of land users[29]. Natural resources found in land belong to the State of Viet Nam. Cultural heritage, whose owner cannot be identified, found in land belong to the State of Viet Nam. Unbound for measures relating to the purchase, selling, ownership and leasing of residential real estates by foreigners.		**Đánh giá** Đây là bảo lưu của VN trong EVFTA về các vấn đề liên quan tới đất đai và bất động sản, quyền sở hữu đối với tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ, di sản văn hóa. Vì vậy PLVN đã tương thích **Đề xuất** Không đề xuất sửa đổi, điều chỉnh gì về pháp luật
Investment procedures 7. Unbound for any measure with respect to investment procedures applied to foreign investor or foreign invested economic entities, such as procedures relating to investment registration certificate of investment projects, and foreign exchange management procedures[30].		
CÁC CAM KẾT MỞ CỬA RIÊNG CHO TỪNG NGÀNH	**TO BE ADDED AFTER FINISHED**	

[28] For greater certainty, this reservation is without prejudice to the rights and obligations of the Parties in Article (Expropriation)

[29] For illustrative purposes, foreign organizations and individuals cannot own land. They can only lease land in line with the duration of their investment project subject to approval of a competent State body, which shall not exceed 50 years.

[30] For greater certainty, this reservation is without prejudice to the Parties' right and obligations under Section (Investment Protection) and Chapter (Domestic Regulations). For further clarity, a breach of an obligation under Section (Investment Protection) in itself shall not be considered a breach of an obligation referred to in Headnote paragraph 1. A breach of an obligation under Chapter (Domestic Regulations) in itself shall not be considered a breach of an obligation referred to in Headnote paragraph 1 and shall not be subject to the dispute settlement mechanism under Section (ISDS).

DRAFT